

Số: 424/CBTT-DBD

Bình Định, ngày 15 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty:	Công ty Cổ phần Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)
Mã chứng khoán:	DBD
Trụ sở chính:	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại:	0256.3846500
Fax:	0256.3846846
Người thực hiện công bố thông tin:	Ông Nguyễn Thanh Giang
Địa chỉ:	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Loại thông tin công bố	<input checked="" type="checkbox"/> Định kỳ <input type="checkbox"/> Bất thường (24h) <input type="checkbox"/> Yêu cầu
Nội dung công bố:	Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/04/2022 tại website www.bidiphar.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Phòng IT (đăng website);
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.






Nguyễn Thanh Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

 498 NGUYỄN THÁI HỌC – PHƯỜNG QUANG TRUNG – TP. QUY NHƠN – TỈNH BÌNH ĐỊNH
 (84-256) 3846500 – 3846040 – 3847798
 INFO@BIDIPHAR.COM
 WWW.BIDIPHAR.COM



MỤC LỤC

1

Thông tin chung

2

Tình hình hoạt động kinh doanh

3

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Đánh giá của Hội đồng quản trị

4

Quản trị công ty

5

Báo cáo phát triển bền vững

6

Báo cáo tài chính

7

Chương 1

Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Quá trình tăng vốn điều lệ
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Công ty con, công ty liên kết
- Định hướng phát triển
- Rủi ro



Thông Tin Khái Quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Tên viết tắt: BIDIPHAR

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Bình Định cấp lần đầu ngày 01/09/2010, và đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 06/07/2021

Trụ sở chính: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Số điện thoại: (0256) 3846 500 – 3846 040 – 3847 798

Email: info@bidiphar.com

Website: www.bidiphar.com

Mã cổ phiếu: DBD

Sàn giao dịch: HOSE

Vốn điều lệ

576.124.440.000 VNĐ



Quá trình hình thành và phát triển



Hợp nhất với CT Dược Vật tư Y tế Bình Định, trở thành Công ty Dược – Trang Thiết bị Y tế Bình Định.



Bắt đầu sản xuất thuốc tiêm theo công nghệ đông khô.



Hợp tác với Tập đoàn Dược phẩm Kyorin (Nhật Bản) và được chuyển giao kỹ thuật nghiên cứu in-vitro



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định đã nghiệm thu kết quả nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên để điều trị ung thư đến từ nhóm nghiên cứu của Công ty Bidiphar – Dược Bình Định.



1976

Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình được thành lập, chuyên sản xuất thuốc từ cám gạo, cao xoa, dầu cá.



1995

Sản xuất các loại thuốc tiêm và dung dịch truyền kháng sinh..

1997

Mở rộng sản xuất, đầu tư vào mảng kháng sinh, các sản phẩm vitamin và dung dịch thẩm phân máu.

2003

2006

Bắt đầu sản xuất thuốc điều trị ung thư



2010

2017

Chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch DBD. Tổng số vốn là 523 tỷ đồng.

Thay đổi mô hình quản trị Ban kiểm soát thành mô hình quản trị có Ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ngày 19/02/2019, Công ty có quyết định thành lập Công ty TNHH MTV thương mại Bidiphar.

Ngày 22/02/2019, Công ty TNHH MTV thương mại Bidiphar được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy CNĐKDN số 4101538232 lần đầu

2017 - 2020

2021



TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	2100
Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa dược và dược liệu.	(Chính)
Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	
Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm do chính công ty sản xuất; Xuất khẩu dược liệu, dược phẩm theo qui định của Bộ Y tế; Nhập khẩu thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng mỹ phẩm.	4649
Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	
Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dược liệu do chính công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, khẩu trang y tế, trang 4772 thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe; chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực y tế và gia dụng.	4772
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.	1050
Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.	
Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I ốt; Sản xuất thực phẩm từ thảo dược thiên nhiên, nước uống từ dược liệu; Sản xuất các loại trà thảo dược; Sản xuất, khai thác, chế biến mật ong.	1079
Bán buôn thực phẩm.	
Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I ốt; Sản xuất thực phẩm từ thảo dược thiên nhiên, nước uống từ dược liệu; Sản xuất các loại trà thảo dược; Sản xuất, khai thác, chế biến mật ong.	4632
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	
Chi tiết : Bán buôn, xuất nhập khẩu vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược và các ngành 4659 khoa học kỹ thuật khác, trang thiết bị, dụng cụ sử dụng cho các phòng thí nghiệm (lý-hóa-sinh).	4659
Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	
Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu thuốc thú y; Xuất nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu làm thuốc cho người khi được Bộ Y Tế và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép (Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc không bao gồm việc thực hiện các hoạt động liên quan trực tiếp đến phân phối nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam, trừ nguyên liệu làm thuốc do chính Công ty tự sản xuất tại Việt Nam);	4669
Kinh doanh, xuất nhập khẩu hóa chất xét nghiệm, vắc xin, sinh phẩm dung cho người, các loại bao bì sản xuất trong lĩnh vực y, dược, thực phẩm, mỹ phẩm; Bán buôn, xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp, hóa chất tẩy rửa, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn; Thực phẩm chức năng. Ngoại trừ các hóa chất không được kinh doanh, bán buôn, bán lẻ theo Phụ lục 2 Luật Đầu tư 2014 và hóa chất bị cấm phân phối, xuất khẩu theo TT 34/2013/TT-BCT).	
<i>Công ty không làm dịch vụ phân phối dược phẩm bên thứ ba tại thị trường Việt Nam.</i>	

TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	1104
Chi tiết: Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát.	
Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.	1702
Chi tiết: Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton.	
Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh.	2310
Chi tiết: Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng.	
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
Chi tiết: Vận tải nội bộ bằng đường bộ để phục vụ hoạt động sản xuất của công ty.	
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	
Chi tiết: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua trên đất được Nhà nước cho thuê; Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua trên đất được Nhà nước giao.	6810
Sửa chữa máy móc thiết bị.	
Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất 3312 dược phẩm.	3312
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.	7490
Chi tiết: Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao sản phẩm mới trong lĩnh vực dược phẩm.	
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	5210
Chi tiết: Lưu kho và dịch vụ kho bãi (không bao gồm cho thuê kho, bãi).	
Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.	
Chi tiết :Hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị ra đa và hoặc định vị vật dưới nước bằng siêu âm hoặc siêu âm.	3313
Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.	0128
Lắp đặt hệ thống điện.	4321
Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.	3250
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.	4322
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công điện, điện lạnh;	3290
Trồng cây cao su.	0125
Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Trồng trọt, chăn nuôi (không chăn nuôi tại trụ sở, không bao gồm dịch vụ chăn nuôi và phát triển 150 nguồn giống).	0150
Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.	1101



Ngành nghề kinh doanh

TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
Bán buôn đồ uống.	
Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu nước tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên và nước uống từ dược liệu, đồ uống không cồn.	4633
Sản xuất rượu vang.	1102
Chăn nuôi khác. Chi tiết: Đầu tư nuôi ong lấy mật.	0149
Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ mật ong và các sản phẩm của con ong.	4722
Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.(ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối theo thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương).	4620
Nhân và chăm sóc giống cây lâu năm.	0132
Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm.	0131
Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa.	0118
Trồng cây ăn quả	0121
Trồng cây hàng năm khác.	0119
Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	
Chi tiết: Bán lẻ hàng nông, lâm sản; Bán lẻ hoa, cây cảnh (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục 3 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương)	4773
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ. Chi tiết: Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm	4781
Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ kiểm nghiệm nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.	7120
Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; Dịch vụ tư vấn, quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.	8699
Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic.	2220
	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Hoạt động phải bảo đảm điều kiện, Giấy phép Kinh doanh theo quy định	



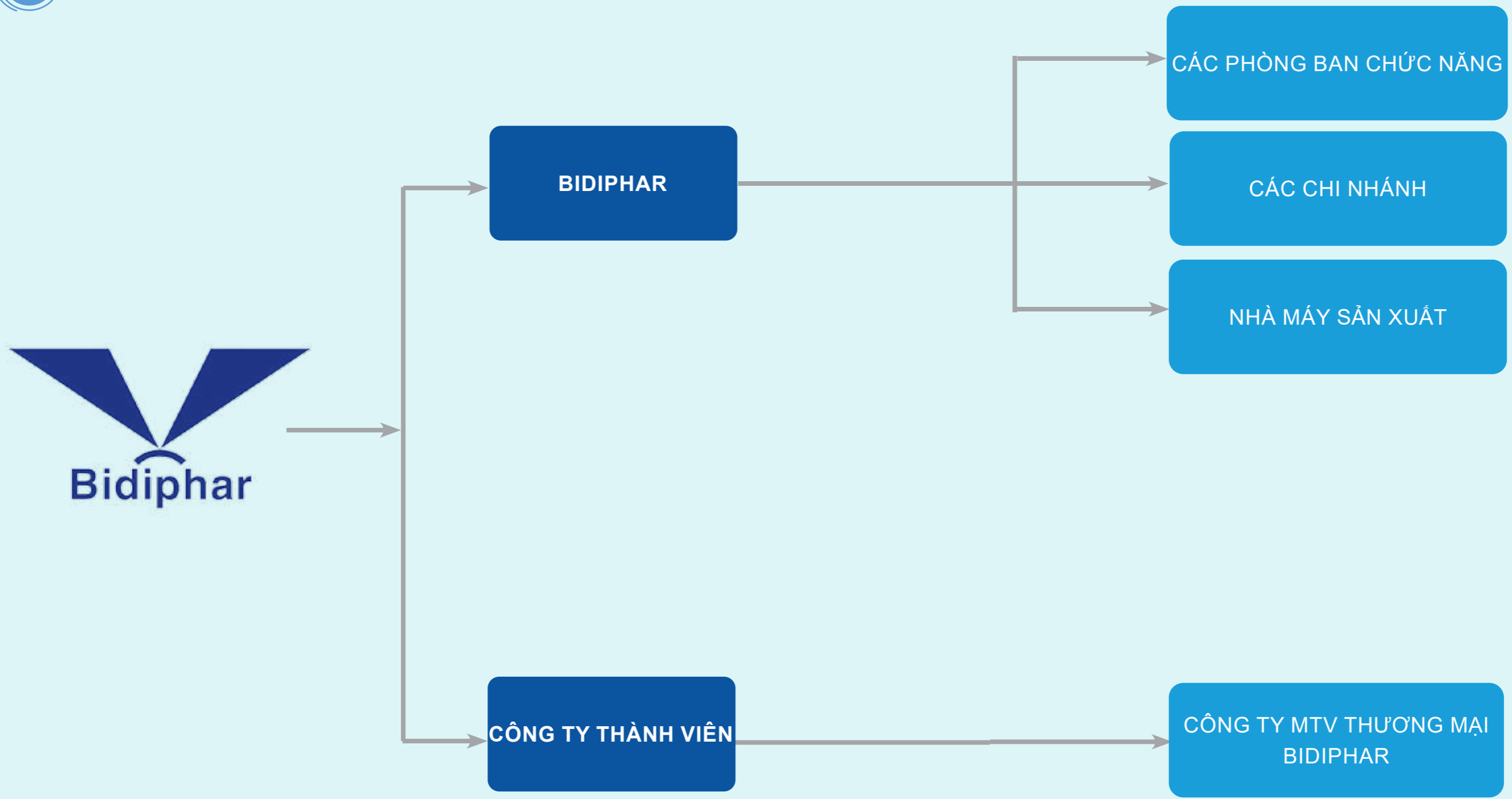
Địa bàn kinh doanh

Phân Phối Trong Nước: Đã phân phối đều khắp cả nước thông qua các chi nhánh lớn tại các tỉnh Phú Thọ, Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Cần Thơ, Kiên Giang.

Phân Phối Ngoài Nước: Chủ yếu các nước Lào, Campuchia, Mông Cổ.

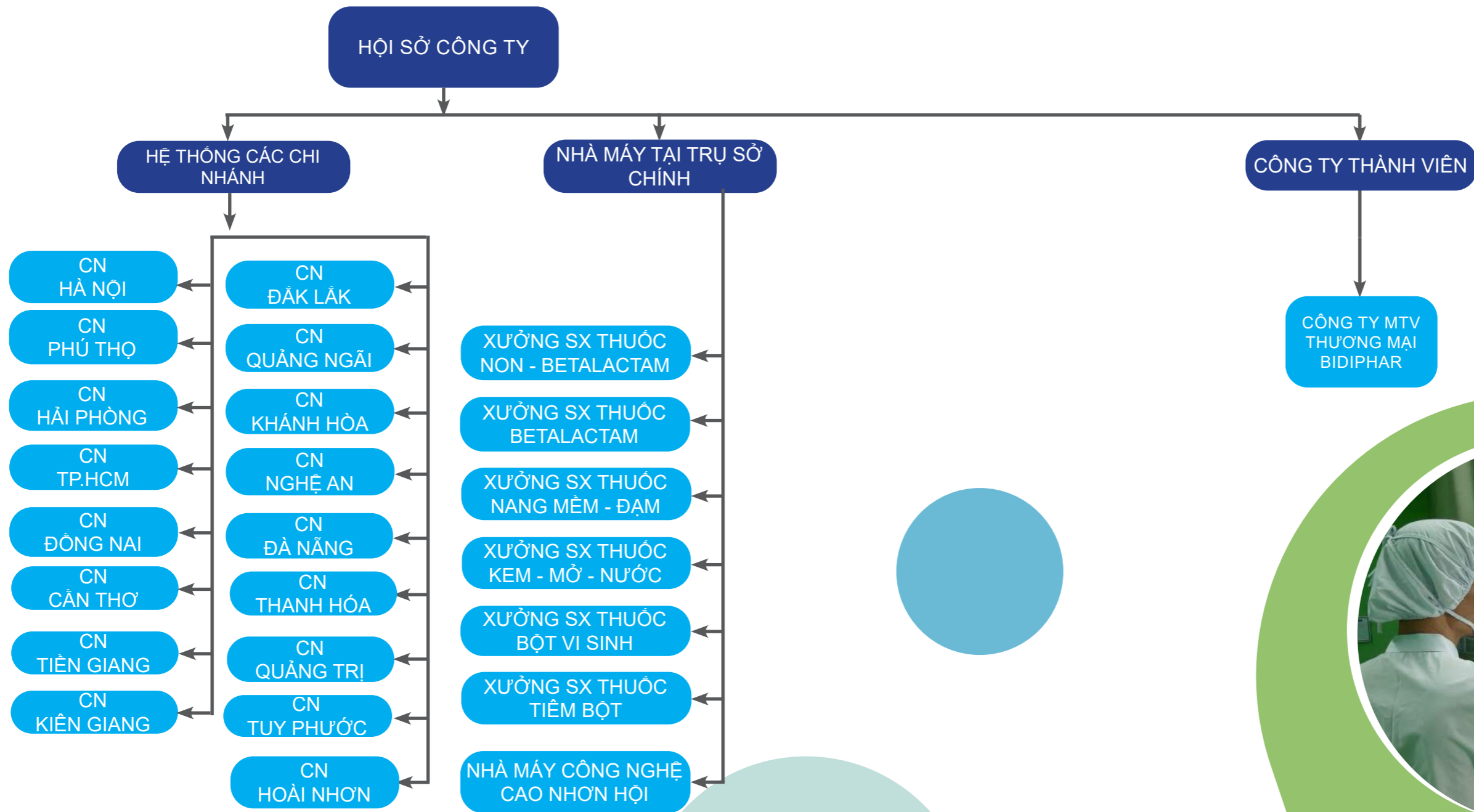


Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức





Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức



Công ty con, công ty liên kết



CÔNG TY CON

Tên công ty	Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar
Trụ sở chính	Số 365 đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Lĩnh vực hoạt động	Bán buôn thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế
VĐL thực góp	30.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Bidiphar	100%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar.
Trụ sở chính	498 Đường Nguyễn Thái Học, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Lĩnh vực hoạt động	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su.
VĐL thực góp	212.800.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu của Bidiphar	33,58%



Định hướng phát triển

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

- » Giữ vững thị trường tiêu thụ. Mở rộng và phát triển mạng lưới phân phối ra ngoài tỉnh và ngoài nước;
- » Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày một cao của khách hàng;
- » Trở thành nhà sản xuất dược phẩm chất lượng cao theo tiêu chuẩn WHO-GMP; Lấy sức khỏe cộng đồng làm trung tâm của mọi hoạt động, cung cấp các giải pháp điều trị hiệu quả cao với giá cả hợp lý thay thế thuốc nhập khẩu; Đồng thời nâng cao giá trị cộng thêm cho khách hàng và đối tác;
- » Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn WHO-GMP, khai thác hiệu quả các nhà máy hiện có. Không ngừng phát triển sản phẩm mới theo diễn biến bệnh tại Việt Nam;
- » Trở thành doanh nghiệp dược có kênh phân phối chuyên nghiệp, sâu, rộng và đa dạng nhất. Đặc biệt là phân phối dòng thuốc kháng sinh và điều trị ung thư;
- » Giữ vững thương hiệu Bidiphar là thương hiệu hàng đầu ngành công nghiệp dược trong nước với các sản phẩm chất lượng, an toàn và hiệu quả trong điều trị.
- » Tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

- » Bidiphar nhất quán theo đuổi chính sách chất lượng sản phẩm với sứ mệnh “Chăm sóc sức khỏe – Chia sẻ niềm vui” đến mọi nhà, vì vậy việc không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm là chiến lược xuyên suốt của Công ty.
- » Phát triển các thế mạnh hiện tại về sản phẩm thuốc đặc trị ung thư, công nghệ tiên tiến thế giới và thương hiệu uy tín trên thị trường để giữ vững thị phần trong khu vực tạo tên tuổi trên thị trường Việt Nam và nước ngoài.
- » Xây dựng chiến lược quảng bá sản phẩm phù hợp, đặc biệt là trong giai đoạn phát triển các sản phẩm mới.
- » Xây dựng kế hoạch tài chính rõ ràng minh bạch, cân đối phù hợp các nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh thường nhật và các nguồn đầu tư mới để có đủ tiềm lực cho quá trình phát triển dài hạn phía trước.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Bidiphar luôn ý thức được rằng, ngoài việc phát triển sản xuất kinh doanh để góp phần thúc đẩy quá trình hiện đại hoá đất nước thì công tác quan tâm, chia sẻ với cộng đồng xã hội là rất cần thiết. Hàng năm, Bidiphar luôn có những chương trình thiết thực cho cộng đồng, xã hội:

- » Hỗ trợ địa phương, ủng hộ các phong trào như xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các gia đình chính sách, đóng góp các quỹ khuyến học, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ An ninh quốc phòng.
- » Xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; phụng dưỡng suốt đời Mẹ Việt Nam Anh Hùng.
- » Tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện “Bidiphar - mỗi giọt máu một tấm lòng”
- » Tổ chức khám và cấp phát thuốc cho các đối tượng chính sách, trẻ em nghèo, các nơi bị thiên tai, lũ lụt.
- » Tài trợ cho các đơn vị từ thiện, xã hội, nạn nhân chất độc da cam, trẻ em khuyết tật, người già neo đơn ...



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG

Nhận thức rằng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều ít nhiều ảnh hưởng tới môi trường xung quanh như: bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải, rác thải...

Để khống chế và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh, bên cạnh việc thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường trong sản xuất kinh doanh dược phẩm như: GMP, GLP, GSP, GDP, GPP, ISO, Bidiphar luôn chú trọng đến việc giữ gìn vệ sinh; xử lý chất thải công nghiệp, nguồn nước theo đúng các tiêu chuẩn ngành Dược và các quy định bảo vệ môi trường, đạt những chỉ tiêu giới hạn của Tiêu chuẩn Việt Nam. Bên cạnh đó công tác phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng và thường xuyên luyện tập để sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.



Rủi ro

RỦI RO TỶ GIÁ

Các Doanh nghiệp Dược Việt Nam nói chung và Bidiphar nói riêng đa phần đều sử dụng dược liệu nhập khẩu cho sản xuất và các sản phẩm thuốc tân dược nhập khẩu khác cho hoạt động kinh doanh thương mại. Khi rủi ro biến động tỷ giá hối đoái USD/VND xảy ra sẽ ảnh hưởng đáng kể lên giá vốn hàng bán và chi phí tài chính của Công ty. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá Đô la Mỹ, sẽ là nguyên nhân làm cho giá vốn hàng bán biến động gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện nay, tỷ giá liên tục biến động do tình hình kinh tế thế giới không ổn định. Tỷ giá VN hiện nay vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát. Chính vì thế, giải pháp cho loại rủi ro này là Công ty thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ giao dịch. Ngoài ra, Công ty còn tự bảo hiểm rủi ro bằng phương pháp thành lập các quỹ dự phòng rủi ro cũng như theo dõi sát những biến động tỷ giá để hạn chế tối đa thiệt hại mà rủi ro có thể đem lại.



RỦI RO KINH TẾ

Tình hình kinh tế thế giới khởi sắc trong năm 2021 khi các quốc gia triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19. Tuy nhiên, tăng trưởng của các nền kinh tế có sự khác biệt do tốc độ triển khai vắc-xin và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia. Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng có xu hướng chậm dần, giá nhiều mặt hàng tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung tình hình vĩ mô tại Việt Nam vẫn được kiểm soát tốt so với thế giới. Ngoài ra, đại dịch gây tác nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm cho giá nguyên liệu sản xuất tăng là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia.

Dù được dự đoán sẽ tăng trưởng khả quan trong năm 2021, nhưng thực tế cho thấy, có rất nhiều khó khăn đang đến với các doanh nghiệp trong ngành. Trong 6 tháng đầu năm 2021, các doanh nghiệp đầu ngành dược giữ được đà tăng trưởng lợi nhuận, nhưng nhiều doanh nghiệp khác vẫn ghi nhận lợi nhuận đi ngang, thậm chí sụt giảm.

Ở trong nước, đợt bùng phát dịch bệnh lần thứ 4 liên quan nhiều đến các bệnh viện, vì thế kênh phân phối đầu ra ETC bị ảnh hưởng nghiêm trọng vì người dân hạn chế đến các cơ sở khám chữa bệnh. Tuy nhiên, điều này lại góp phần giúp kênh bán lẻ tại các nhà thuốc (OTC) phát triển. Giá thuốc kênh OTC không bị ràng buộc về Luật Đấu thầu nên đây sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp dược cạnh tranh, cải tiến R&D và đa dạng hóa chủng loại sản phẩm.

Thêm vào đó, hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty vẫn được chủ động duy trì liên tục thông qua website thương mại điện tử, 100% vốn của Bidiphar – Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar, nhờ đó thương hiệu Bidiphar từng bước khẳng định được vị trí trong thị trường dược phẩm Việt Nam đồng thời mở rộng khát vọng chinh phục phân khúc thị trường nước ngoài.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và đã niêm yết trên sàn HOSE nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ các văn bản pháp luật như Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Luật dân sự, Luật Lao động... Trong thời gian gần đây, các văn bản luật này đã có nhiều sự sửa đổi cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều này gây ra những ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty. Với tinh thần thượng tôn pháp luật, DBD cần tuân thủ đúng các quy định về pháp luật có liên quan đến hoạt động công ty.

Bên cạnh đó, Ngành dược là một trong những ngành chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước do là ngành nghề kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là các quy định về đấu thầu thuốc trong bệnh viện, quản lý giá thuốc, quản lý thuốc kê đơn... làm cho các doanh nghiệp dược ở thế kém chủ động hơn so với các thành viên tham gia trong thị trường dược phẩm.

Do vậy, Công ty định hướng sẽ luôn kịp thời nắm bắt các thông tư luật pháp trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh khi có sự thay đổi cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý khi có phát sinh để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động.

RỦI RO CẠNH TRANH

Thị trường ngành Dược phẩm Việt Nam được đánh giá là một thị trường tiềm năng với tỷ lệ tăng trưởng nhanh nhất Châu Á. Trong thời gian tới, ngành Dược đang được đánh giá là một “mảnh đất trù phú” thu hút nhiều nhà đầu tư ngoại, các tập đoàn quốc gia trên thế giới, thậm chí cả những nhà đầu tư trong nước hoạt động ngoài ngành cũng đang tạo ra áp lực khá lớn với các doanh nghiệp dược trong nước. Hơn thế nữa, Việt Nam chính thức tham gia các hiệp định thương mại về cam kết thương mại tự do làm cho rào cản thuế quan và những hạn chế liên quan tới việc nhập khẩu nguyên vật liệu thuốc được gỡ bỏ dẫn đến cạnh tranh ngày càng cao. Mức độ cạnh tranh trong thị trường dược những năm tới được đánh giá sẽ diễn ra khốc liệt hơn trên hầu hết các phân khúc thị trường. Ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu tư cho các nhà máy công nghệ cao, cạnh tranh sẽ diễn ra ngày càng khốc liệt khi phần lớn các doanh nghiệp dược trong nước đều sản xuất các loại thuốc generics và chưa có hàm lượng khoa học cao.

Do đó, Công ty thường xuyên đổi mới công nghệ sản xuất dược phẩm, phát triển nghiên cứu nhiều loại thuốc mới có hiệu quả và tính đột phá hơn để làm giảm bớt mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong ngành như hiện nay. Hiện tại Công ty đang có 21 nhóm sản phẩm, tổng số lượng sản phẩm là 271 trải dài trên 1 danh mục tương đối rộng. Trung bình 1 năm, công ty sẽ sản xuất 8 – 12 sản phẩm mới chuyên về điều trị ung thư, tim mạch, tiêu hóa và tập trung phát triển chủ lực xoay quanh nhóm sản phẩm thuốc điều trị ung thư dạng thuốc tiêm và dịch truyền, nhóm sản phẩm kháng sinh và nhóm sản phẩm về dịch thận (bao gồm Dung dịch thẩm phân phúc mạc và thẩm phân máu).

Từ 2021 đến 2025, Công ty đang nỗ lực xây dựng và hoàn thành vận hành các Nhà máy thuốc điều trị ung thư (Trên thị trường VN hiện tại chỉ có vài Nhà máy thuốc điều trị ung thư, Bidiphar có những sản phẩm TĐTUT chiếm đến 80% thị phần về sản lượng, và cũng là 1 trong những doanh nghiệp thế mạnh trong sản xuất TĐTUT); Nhà máy Non Betalactam – bổ sung cho các nhóm sản phẩm kháng sinh và dịch thận, để tăng cường hợp tác với đối tác chiến lược để đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu nhằm thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận cho cổ đông công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Trong 6 tháng đầu năm 2021 lượng dược phẩm nhập khẩu từ các thị trường chủ đạo của Việt Nam là Đức, Pháp, Mỹ và Ấn Độ giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020. Đây là những thị trường được xem là có nguồn dược phẩm chất lượng cao. Nguyên nhân giảm là do đại dịch Covid – 19 làm cho chi phí logistics tăng cao, giá dược phẩm cũng tăng theo. Do đó, các doanh nghiệp nhập khẩu dược phẩm Việt Nam đang có xu hướng chuyển sang nhập khẩu sản phẩm dược từ các thị trường giá rẻ hơn, tuy nhiên chất lượng lại chưa được kiểm soát tốt.

Mặc dù vậy, nguồn cung thuốc thành phẩm nhập khẩu vẫn bị hạn chế, gây áp lực đến giá thuốc trên thị trường. Việt Nam phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu đến từ Trung Quốc và Ấn Độ, chiếm tỷ trọng 85% tổng kim ngạch nguyên liệu nhập khẩu. Hơn nữa, tiến độ hợp tác giữa các doanh nghiệp dược phẩm Việt Nam và đối tác nước ngoài tiếp tục bị trì hoãn bởi các quy định hạn chế di chuyển. Điều này cản trở tiến độ đánh giá nhà máy đạt tiêu chuẩn cao và xét duyệt quá trình chuyển giao công nghệ. Các doanh nghiệp dược đang phải đối phó với thách thức kép là vừa phải đảm bảo an toàn sản xuất – kinh doanh trong mùa dịch, vừa phải có chiến lược tồn kho hợp lý khi chuỗi cung ứng toàn cầu đang có nhiều biến động.

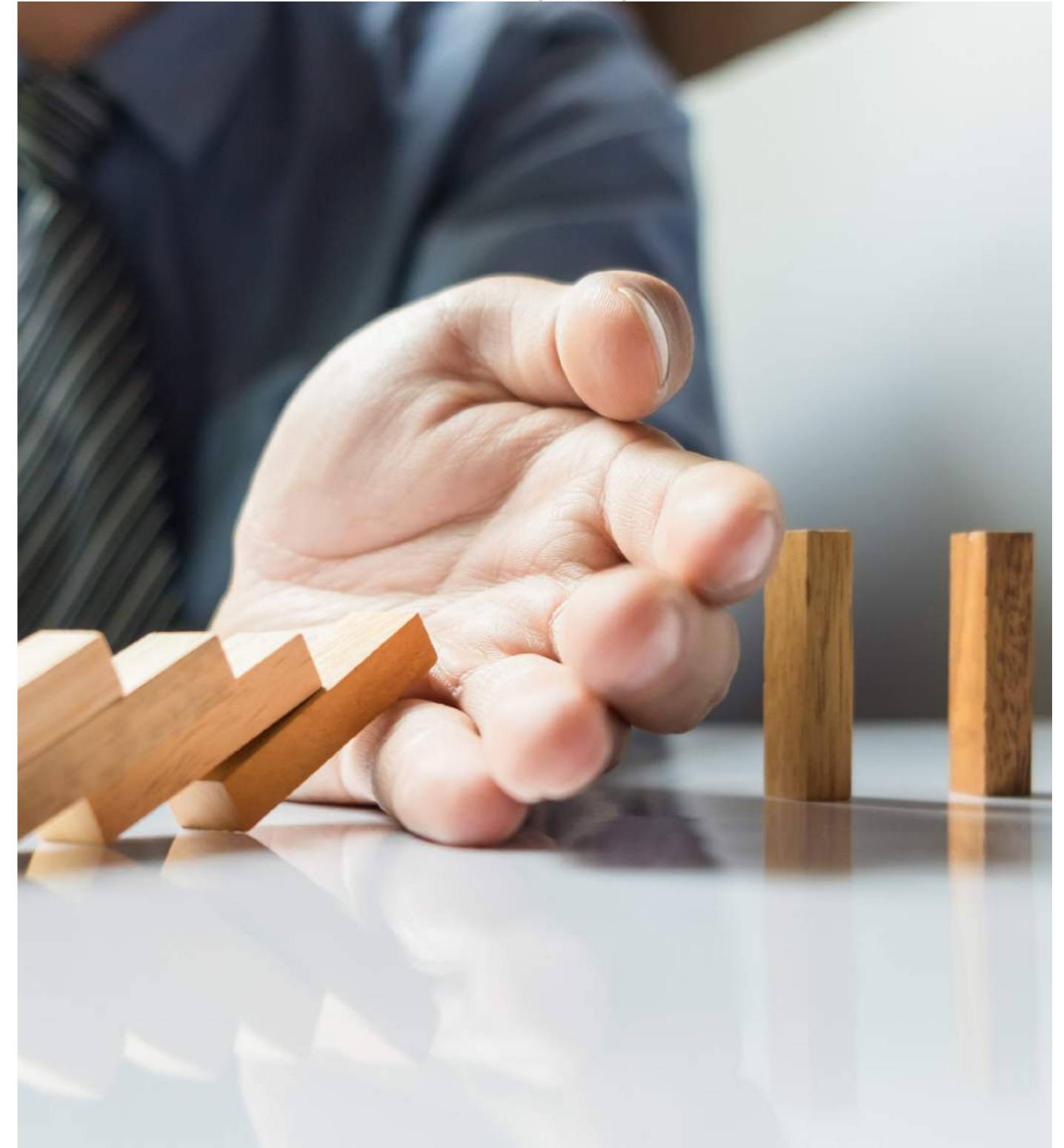
Để góp phần hạn chế rủi ro nguyên vật liệu đầu vào, BIDIPHAR đã thiết lập và duy trì mối quan hệ uy tín đối với các nhà cung cấp lớn trên thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu với giá cả ổn định và xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý nhằm giảm thiểu tác động khi thị trường biến động mạnh, tìm kiếm bổ sung thêm 20 nhà cung cấp/nhà sản xuất mới, đồng thời thiết lập quy chế theo dõi, điều tiết, cân đối hàng tồn kho để giảm thiểu các nguy cơ liên quan đến hàng tồn kho.



Rủi ro hàng giả, hàng kém chất lượng

Hiện tượng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hiện ngày càng tràn lan khắp mọi nơi, mọi lĩnh vực, ngành nghề bao gồm cả lĩnh vực dược phẩm. Hàng giả, hàng nhái đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi nhuận, uy tín của doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm chân chính cũng như dẫn đến tiền mất tật mang cho người tiêu dùng và gây bất ổn thị trường vì có sự cạnh tranh không lành mạnh.

Đứng trước thực trạng trên, Bidiphar luôn luôn tự ý thức bảo vệ sản phẩm của mình bằng cách nâng cao chất lượng, thiết kế mẫu mã, bao bì đẹp mắt cùng với hiện đại hóa quy trình xác minh các thông tin chi tiết như nguồn gốc, xuất xứ, thành phần, công dụng, thời hạn sử dụng để người tiêu dùng dễ dàng nhận biết sản xuất và sử dụng sản phẩm đúng cách. Song song đó, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc đầu tư quảng bá thương hiệu và đăng ký bản quyền nhãn hiệu hàng hóa.



RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro chính tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty còn phải chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, sấm sét, động đất hay cháy, nổ, làm gián đoạn quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để khắc phục rủi ro này DBD chủ động thường xuyên kiểm tra hệ thống cháy nổ và mua thêm các gói chính sách bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.





Chương 2

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Tổ chức và nhân sự
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu

Tình hình chung ngành dược

Năm 2021 là một năm ảnh hưởng dai dẳng từ sự trở lại của các đợt bùng dịch với nhiều biến chủng mới làm ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến nhiều ngành kinh tế của Việt Nam, trong đó có ngành dược phẩm, chuỗi cung ứng vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, nguyên liệu tăng giá ... ảnh hưởng nhiều kế hoạch/ hiệu quả sản xuất kinh doanh. Việt Nam đã ghi nhận hơn 1,7 triệu ca nhiễm mới, chỉ tiêu cho các nhóm thuốc nằm trong phác đồ điều trị bệnh nhân COVID-19 ở mức cao, ước tính dao động từ 3.000 -9.000 tỷ đồng. Việc áp dụng giãn cách xã hội nghiêm ngặt tại các tỉnh thành, đặc biệt là khu vực miền Nam, đã gây ra sự gián đoạn trong hoạt động cung ứng và phân phối của các công ty dược phẩm. Trong khi đó, nhiều bệnh viện bị buộc phải chuyển đổi thành trung tâm điều trị Covid, khiến doanh thu đầu thầu thuốc giảm mạnh, trong khi kênh bệnh viện hiện chiếm tới hơn 60% nhu cầu dược phẩm. Rất ít công ty dược phẩm trong nước được hưởng lợi từ vắc xin hoặc thuốc điều trị Covid vì thủ tục nhập khẩu vắc xin tương đối phức tạp trong khi đó hoạt động sản xuất và nhập khẩu thuốc điều trị Covid được kiểm soát chặt chẽ bởi Chính phủ. Tuy nhiên, nhu cầu mua sắm, tích trữ các nhóm sản phẩm phòng dịch ở mức cao do dịch Covid-19 tiếp tục kéo dài. Tổng chỉ tiêu cho các nhu yếu phẩm bảo vệ (như khẩu trang, bộ đồ phòng dịch, v.v.) và nhóm thuốc điều trị triệu chứng (như thuốc ho, cảm, giảm đau, hạ sốt, v.v.) tăng trưởng hơn 105% so với trong và sau đợt bùng phát dịch đầu tiên năm 2020, nhờ đó kết quả kinh doanh năm 2021 của các công ty trong ngành có sự cải thiện nhẹ.

Tham gia hiệp định tự do thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) với việc mở cửa chuỗi cung ứng, sản xuất và phân phối, doanh nghiệp dược Việt sẽ phải cạnh tranh sòng phẳng với doanh nghiệp đến từ EU. Trong bối cảnh hiện nay, để cạnh tranh với dòng thuốc giá rẻ của Ấn Độ và Trung Quốc, nhiều công ty dược của Mỹ đã nhượng quyền sản xuất hoặc mua

cổ phần các công ty dược ở những nước có thị trường dược chưa phát triển như Việt Nam, để có thể sử dụng lao động giá rẻ hơn, nhằm hạ giá thành sản phẩm. Vì vậy, Việt Nam được xem là điểm đến hấp dẫn để các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia thành lập cơ sở sản xuất, từ đó xuất sang các quốc gia khác. Với chính sách này, doanh nghiệp nước ngoài sẽ được tham gia vào chuỗi cung ứng thuốc và trực tiếp quản lý nguồn hàng, rút ngắn thời gian cung ứng sản phẩm thay vì bị hạn chế trong dịch vụ phân phối thuốc bao gồm cả các dịch vụ kho bãi và vận chuyển.

Việt Nam hiện được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi, dân số đang bước vào giai đoạn già hóa đồng nghĩa với nhu cầu chăm sóc sức khỏe đang tăng lên. Bên cạnh đó, mức độ sẵn sàng chi trả cho các dịch vụ y tế có xu hướng tăng lên khi thu nhập bình quân đầu người và trình độ dân trí được cải thiện, trong khi môi trường sống ngày càng có nguy cơ ô nhiễm làm gia tăng nhiều loại bệnh tật là những yếu tố tốt dẫn đến sự phát triển của ngành trong tương lai. Theo thống kê của Cục quản lý Dược Việt Nam và dự báo của hãng nghiên cứu thị trường IBM, ngành sẽ tiếp tục tăng trưởng hai con số trong vòng 5 năm tới và đạt 7,7 tỷ USD vào năm 2021, đạt 16,1 tỷ USD trong năm 2026 với tỷ lệ tăng trưởng kép lên tới 11%. Theo báo cáo triển vọng năm 2022 của FPTIS, nhu cầu cho dược phẩm được kỳ vọng sẽ hưởng lợi trong bối cảnh Việt Nam sống chung với dịch bệnh, quy mô ngành dược phẩm Việt Nam dự báo đạt ~141,4 nghìn tỷ VNĐ (tăng ~9,2% yoy), đến từ nhu cầu cho các sản phẩm hỗ trợ tăng sức đề kháng và phòng dịch tiếp tục tăng trưởng và nhu cầu điều trị các bệnh hướng thần kinh, tim mạch, hô hấp, rối loạn nội tiết, v.v. do các di chứng sau khi mắc COVID-19. Đây có thể vừa là cơ hội vừa là thách thức để các doanh nghiệp ngành Dược tiếp tục thay đổi và đạt tăng trưởng trong giai đoạn sống chung với dịch.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nội dung	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ hoàn thành KH	%2021/2020
Tổng doanh thu	1.329,76	1.500,00	1.634,68	108,98%	22,93%
Giá vốn hàng bán	765,81	-	935,94	-	22,21%
Lợi nhuận gộp	491,14	-	622,57	-	26,76%
Lợi nhuận trước thuế	193,19	180,00	232,45	129,13%	20,32%
Lợi nhuận sau thuế	157,86	-	189,12	-	19,80%
EPS	2.411	-	2.825	-	-

Trong giai đoạn đầy khó khăn thách thức, Bidiphar phải thực hiện nhiệm vụ kép vừa đảm bảo chống dịch vừa tăng cường sản xuất kinh doanh nhằm nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao một cách tốt nhất. Ngoài ra Bidiphar luôn đồng hành với địa phương trong công tác phòng chống dịch, luôn sẵn sàng cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư, thiết bị y tế, tiền, nhân lực ... nhằm hỗ trợ tốt nhất công tác phòng chống dịch tại địa phương. Kết thúc năm tài chính 2021, tình hình hoạt động kinh doanh của Bidiphar diễn biến theo chiều hướng tích cực khi các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều tăng. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 1.634,68 tỷ đồng, tăng 22,93% so với năm 2020,

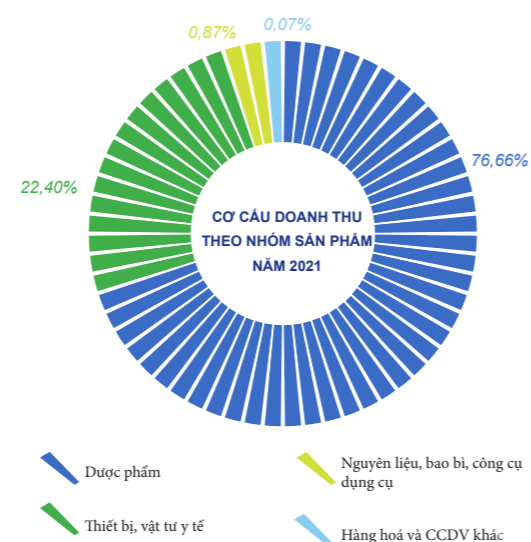
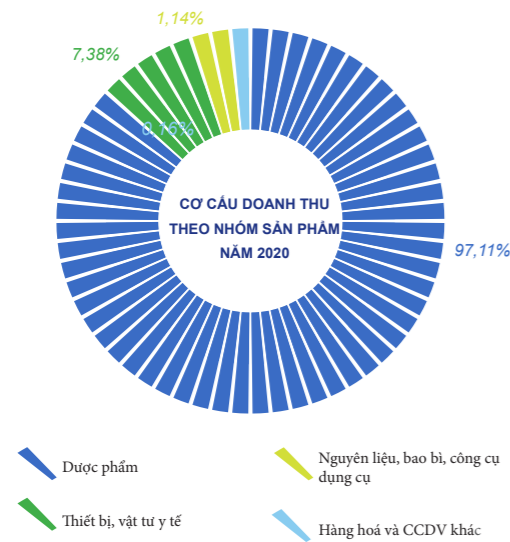
vượt 8,98% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 232,45 tỷ đồng, tăng 20,32% so với năm 2020, vượt 29,13% kế hoạch năm 2021. Việc tăng trưởng dương này là do doanh nghiệp thành công trong công tác tối ưu hóa các chi phí, chi phí hoạt động trong năm được tiết giảm so với kế hoạch ngân sách đặt ra. Trong năm vừa qua, Công ty đã thay đổi chính sách bán hàng, tăng tỷ trọng bán hàng dược phẩm do Công ty sản xuất, giảm doanh thu hàng dược phẩm mua ngoài và hàng trang thiết bị y tế, do đó hiệu quả kinh doanh tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước. LNST thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đạt 183,79 tỷ đồng, tăng 19,80% so với cùng kỳ năm 2020.



CƠ CẤU NHÓM SẢN PHẨM

ĐVT: Tỷ đồng

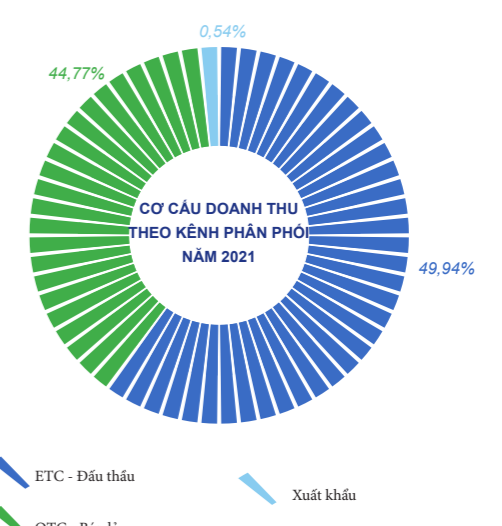
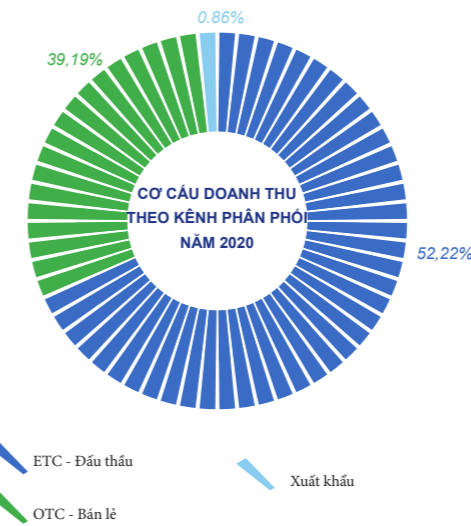
Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Dược phẩm	1.220,63	1.253,20	2,67%
Thiết bị, vật tư y tế	92,76	366,15	294,75%
Nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	14,32	14,16	-1,13%
Hàng hóa và CCDV khác	2,07	1,17	-43,59%
Tổng doanh thu	1.329,78	1.634,68	30,05%



CƠ CẤU DOANH THU MẢNG DƯỢC PHẨM THEO KÊNH PHÂN PHỐI

ĐVT: Tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
ETC – Đấu thầu	637,42	52,22%	625,82	49,94%
OTC – Bán lẻ	478,34	39,19%	561,04	44,77%
Xuất khẩu	10,50	0,86%	6,81	0,54%
Dược phẩm mua ngoài	94,36	7,73%	59,54	4,75%
Tổng cộng	1.220,63	100,00%	1.253,20	100,00%



Nguồn doanh thu chính của DBD là hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm, đạt 1.253,20 tỷ đồng và chiếm hơn 75% tổng doanh thu năm 2021, trong đó sản phẩm chủ lực là các dòng thuốc kháng sinh và các dòng thuốc điều trị ung thư. Doanh thu về kinh doanh dược phẩm tương đối ổn định qua các năm, tăng trưởng cùng với tốc độ tăng chung của ngành. Còn lại là nguồn thu đến từ các hoạt động kinh doanh thiết bị, vật tư y tế, nguyên liệu và bao bì sản phẩm....

Hoạt động sản xuất và phân phối thiết bị y tế năm 2021 phát triển rất mạnh mẽ, đạt 366,15 tỷ đồng, tăng 294,75% so với cùng kỳ năm ngoái. Mảng kinh doanh này bao gồm việc sản xuất và phân phối các loại máy giặt và sấy công nghiệp, bếp sắc thuốc, lò đốt rác thải y tế, hệ thống cung cấp khí sạch, v.v. Đạt được kết

quả khả quan nhờ thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu như tái cơ cấu danh mục sản phẩm kinh doanh, khai thác và tạo nguồn hàng chủ động. Một số khách hàng lớn của DBD gồm Sở Y tế Bình Định, Công ty TNHH ĐTPT Kỹ thuật Đông Nam, và Ban Quản lý Dự án ĐTXD trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kiên Giang.

Các hoạt động khác bao gồm việc phân phối nguyên liệu sản xuất và dịch vụ bảo trì các thiết bị y tế đã bán của DBD, chiếm tỷ trọng chỉ khoảng 1% tổng doanh thu. Các nguyên liệu sản xuất DBD kinh doanh bao gồm: nút cao su, ống thủy tinh, chai nhựa và các loại bao bì như nhãn hộp, hộp, màng nhôm, nhựa PVC. Một số khách hàng mua vật liệu của DBD gồm Công ty DSM Ấn Độ và Công ty APC.

Xét riêng mảng kinh doanh Dược phẩm theo kênh phân phối, Bidiphar chủ yếu phân phối qua kênh đấu thầu (ETC) với hơn 52,22% doanh thu năm 2021, sản phẩm của Công ty được phân phối đến hầu hết các bệnh viện trên khắp các tỉnh. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước, các bệnh viện hầu như giảm thu dung bệnh nhân điều trị nội trú, số lượng bệnh nhân vào viện khám chữa bệnh giảm đáng kể, đặc biệt là các bệnh viện tuyến huyện hầu như không có bệnh nhân, việc bán hàng kênh ETC gặp khó khăn về phát triển doanh thu nên doanh thu kênh này đạt 625,82 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Kênh bán lẻ (OTC) ngày càng gia tăng tỷ trọng đóng góp với 44,7% doanh thu năm 2021, trong khi năm 2020 kênh này chỉ đóng góp khoảng 39% doanh thu nhờ thiết lập được Masterdata hơn 40.000 khách hàng. Doanh thu 567,8 tỷ đạt 109% kế hoạch, tăng trưởng 116% so với năm 2020 với số lượng khách hàng là 14.791, tăng đều ở các chi nhánh đều tăng, một số chi nhánh tăng cao như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Hải Phòng.

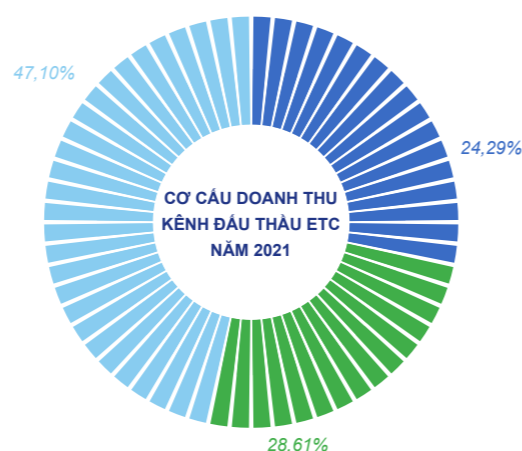
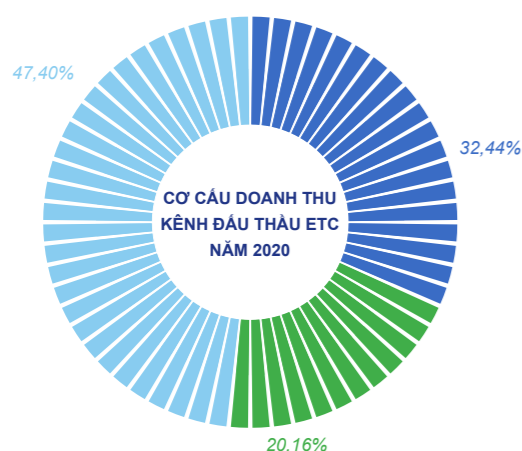
Kênh xuất khẩu chỉ đóng góp khoảng 1% doanh thu mỗi năm.



CƠ CẤU DOANH THU TỪ KÊNH ĐẦU THẦU (ETC)

ĐVT: Tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thuốc kháng sinh	206	32,44%	151	24,29%
Thuốc điều trị ung thư	128	20,16%	178	28,61%
18 dòng thuốc khác	301	47,40%	293	47,10%
Tổng cộng	635	100 %	622	100%



Thuốc kháng sinh
18 dòng thuốc khác
Thuốc điều trị ung thư

Thuốc kháng sinh
18 dòng thuốc khác
Thuốc điều trị ung thư

Xét về cơ cấu sản phẩm, Bidiphar là nhà sản xuất thuốc dạng lỏng số một tại Việt Nam, đặc biệt là thuốc kháng sinh và thuốc điều trị ung thư. Trong đó, thuốc kháng sinh chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 32% và thuốc điều trị ung thư chiếm hơn 20% doanh thu kênh ETC mỗi năm. Bước sang năm 2021, doanh thu dòng thuốc điều trị các bệnh ung thư buồng trứng, ung thư vú di căn, ung thư phổi (Paclitaxel), ung thư đại - trực tràng (Oxaliplatin), và ung thư vú, ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt và ung thư dạ dày (Docetaxel) ghi nhận 178 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ nên trở

thành dòng sản phẩm đóng góp tỷ trọng lớn nhất với 28,59% doanh thu kênh ETC; dòng thuốc kháng sinh ở kênh đầu thầu đạt 151 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ nên tỷ trọng đóng góp còn 24,27%. Tuy nhiên, 2 nhóm này vẫn chiếm tổng tỷ trọng khoảng 53% doanh thu kênh ETC. Doanh thu từ 18 dòng thuốc khác (bao gồm các nhóm sản phẩm như: Dung dịch thẩm phân, Tiêu hóa, Vitamin - khoáng chất, Giảm đau - hạ sốt, chống viêm, Cơ xương khớp, Tim mạch, Hô hấp) trong năm qua cũng duy trì ở mức ổn định đạt 293 tỷ đồng, chiếm 47,14 % tổng doanh thu từ kênh ETC.

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

ĐVT: Tỷ đồng

Hạng mục	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH/ KH (%)
Mua đất và xây dựng Văn phòng/kho các chi nhánh: CN Đà Nẵng, Tiền Giang (xây nhà văn phòng/kho); CN HCM (mua đất và xây nhà văn phòng/kho)	45,00	24,80	55,11%
Đầu tư nhà kho và showroom thiết bị y tế (Cơ sở đường Tây Sơn)	5,00	-	-
Đầu tư văn phòng cho thuê khu 34 Ngô Mây - Quy Nhơn	35,00	0,15	0,43%
Nhà máy sản xuất thuốc ung thư Nhơn Hội	70,00	43,80	62,57%
Nhà máy sản xuất thuốc Viên Non-Betalactam	30,00	-	-
Đầu tư mua sắm mới MMTB cho các PB, PX	10,00	13,69	136,90%
Đầu tư mua xe tải chở hàng cho Logistics các chi nhánh	-	1,40	-
Tổng cộng	195,00	83,86	43,01%

ĐẦU TƯ KHÁC

Công ty con, công ty liên kết	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	205.710	1,29
Công ty TNHH Thiên Phúc	200.000	10,00





Tổ chức và nhân sự

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
2	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Thanh Hương - Tổng Giám đốc

Năm sinh	10/07/1965
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Dược
Quá trình công tác	
1989 - 2001	Công tác tại Xí nghiệp Dược Bình Định
2001 - 2007	Phó Giám đốc Sở Y tế Bình Định
2007 - 2009	Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bình Định
2010 - 02/2014	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế (TTBYT) tỉnh Bình Định
03/2014 - 04/2019	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế tỉnh Bình Định
20/04/2019 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	373.288 cổ phiếu tương ứng 0,65% vốn điều lệ

Ông Huỳnh Ngọc Oanh - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	11/04/1963
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ
Quá trình công tác	
04/1988 - 12/1991	Công tác tại Công ty Dược Tuy Phước, Bình Định
01/1992 - 1996	Công tác tại Trạm đại diện Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định tại TP. Hồ Chí Minh
01/1997 - 09/2010	Giám đốc chi nhánh Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định tại TP. Hồ Chí Minh
10/2010 - 09/2011	Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định tại TP. Hồ Chí Minh
10/2011 - 02/2014	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	483.898 cổ phiếu tương ứng 0,84% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	05/12/1967
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác	
10/1990 - 05/1995	Kế toán viên – Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
06/1995 - 01/2000	Phó phòng Kế toán - Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
01/2000 - 03/2009	Kế toán trưởng – Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
04/2009 - 02/2014	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
12/2012 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	328.500 cổ phiếu chiếm 0,57% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	12/08/1969
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ chuyên khoa I
Quá trình công tác	
08/1991 - 03/1993	Nhân viên kế hoạch mua hàng - Công ty Dược huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
04/1993 - 05/1995	Nhân viên kế hoạch - Hiệu thuốc Tuy Phước thuộc Công ty Dược phẩm - dược liệu Bình Định
06/1995 - 05/2000	Nhân viên bán hàng - Hiệu thuốc Tuy Phước thuộc Công ty Dược phẩm - dược liệu Bình Định
05/2000 - 09/2002	Trưởng hiệu thuốc Tuy Phước - Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
09/2002 - 06/2006	Học lớp dược sĩ đại học tại trường Đại học y khoa Huế
07/2006 - 08/2009	Trưởng chi nhánh Tuy Phước - Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
08/2009 - 10/2015	Phó phòng Kinh doanh Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
10/2015 - 10/2019	Trưởng phòng Marketing Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
10/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	101.278 cổ phiếu chiếm 0,18% vốn điều lệ



Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Dược
Quá trình công tác	
1992 đến 2007	Phòng NC - SXT - Công ty Dược TTBYT Bình Định
2008 - 2015	Phó giám đốc - Công ty cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
2015 -12/2021	Giám đốc Trung tâm nghiên cứu phát triển - Công ty Dược TTBYT Bình Định
12/2021 – Nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Dược TTBYT Bình Định
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	541 cổ phiếu chiếm 0,001% vốn điều lệ

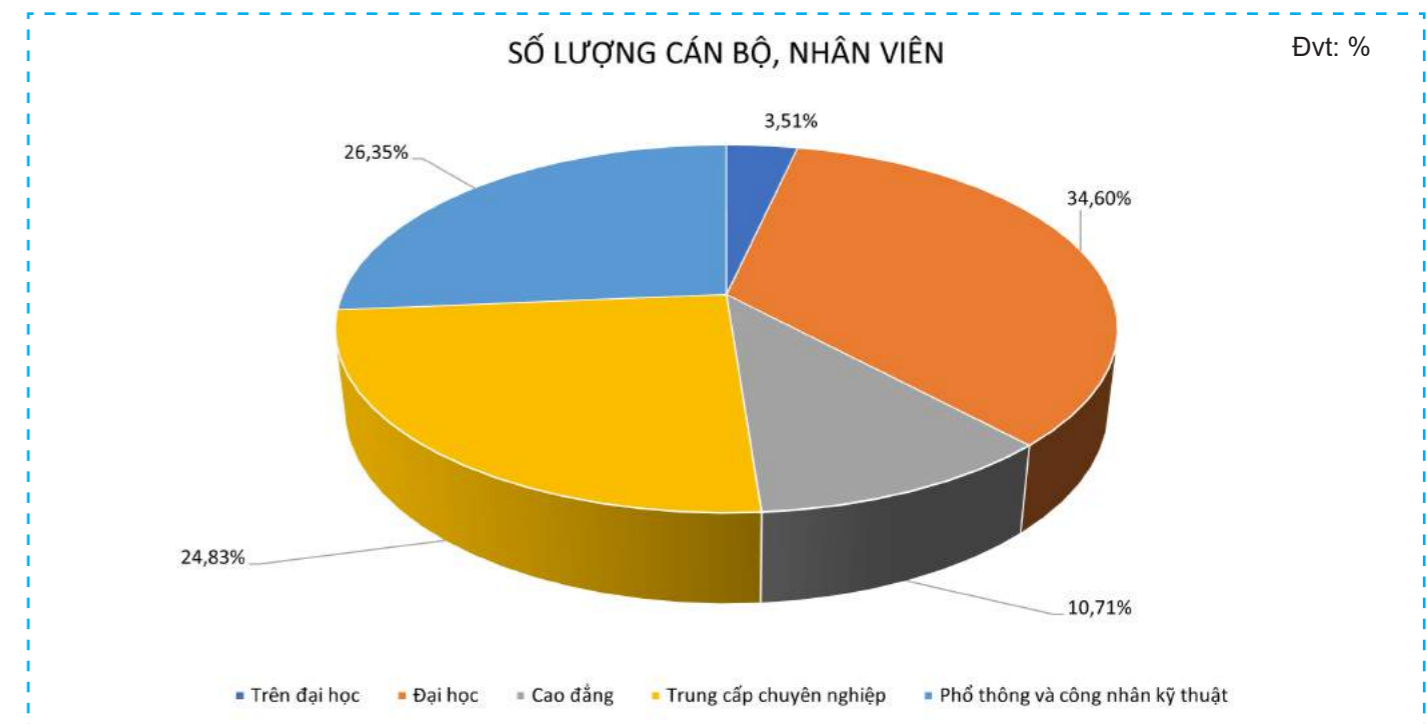
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Kế toán trưởng

Năm sinh	19/07/1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
08/1987 – 12/1989	Kế toán tại Xí nghiệp Liên hiệp Dược Nghĩa Bình
01/1990 – 05/1995	Kế toán tại Công ty Dược - Vật tư y tế Bình Định
06/1995 – 09/2006	Kế toán tại Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
10/2006 – 04/2008	Phó phòng Kế toán tại Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
05/2008 – 08/2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
09/2009 – 02/2014	Thành viên HĐQT Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
03/2014 - 20/04/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
09/2009 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	320.183 cổ phần tương ứng 0,56% vốn điều lệ



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
1	Trên đại học	37	3,46%
2	Đại học	365	34,18%
3	Cao đẳng	113	10,58%
4	Trung cấp chuyên nghiệp	262	27,06%
5	Phổ thông và công nhân kỹ thuật	278	24,72%
Tổng cộng		930	100%



CHÍNH SÁCH CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

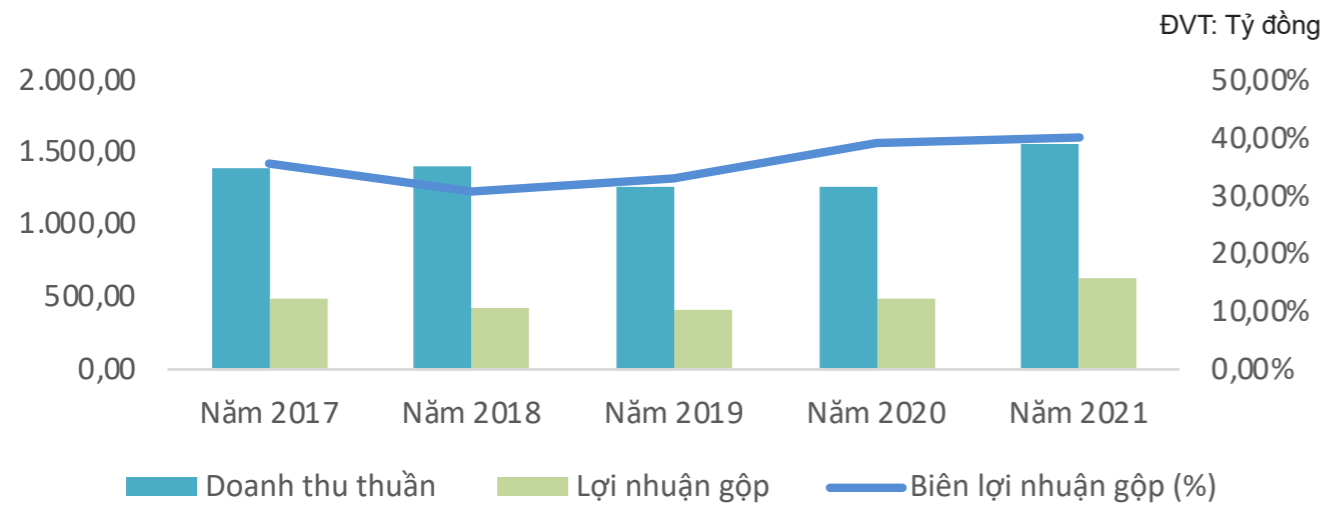
STT	Chính sách	Nội dung
1	Chính sách đãi ngộ, phúc lợi	TDV OTC được trả thêm tiền xăng xe điện thoại
2	Chính sách tuyển dụng	Tuyển dụng đa kênh: facebook, website, NV giới thiệu
3	Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên	Tập trung khai thác hình thức đào tạo online trong bối cảnh dịch bệnh



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	1.388,20	1.401,00	1.261,70	1.257,00	1.558,5
Lợi nhuận gộp	490,7	428,1	414,8	491,1	622,6
Biên lợi nhuận gộp (%)	35,3	30,6	32,9	39,1	39,95



Tỷ suất lợi nhuận gộp của DBD năm 2021 đạt 39,95% - mức cao nhất kể từ năm 2016 đến nay, nhờ Công ty kiểm soát tốt các chi phí hoạt động; bên cạnh đó, với định hướng tập trung phát triển kênh bán lẻ OTC, trong năm Bidiphar đã xây dựng được Masterdata hơn 40.000 khách hàng và mở rộng tệp khách hàng giúp doanh thu kênh này tăng mạnh, gia tăng lợi nhuận gộp nên biên lợi nhuận gộp cải thiện rõ rệt. Xem xét trong giai đoạn từ 2017 – 2021, biên lợi nhuận gộp bình quân của Bidiphar đạt khoảng 35%, chỉ đứng sau một số doanh nghiệp đầu ngành như CTCP Traphaco (TRA), CTCP Pymepharco (PME) hay CTCP Dược Hậu Giang (DHG). Nguyên nhân do:

(i) Nguyên liệu HP API cho các thuốc điều trị ung thư và kháng sinh mạnh có giá thành lớn, được nhập từ

các nguồn cung cao cấp từ Châu Âu và Châu Mỹ như Chemische Fabrik Berg GmbH (Đức), Phyton Biotech Ltd. (Canada), Teva Czech Industries (CH Séc), v.v. DBD có từ 1-2 nhà cung cấp khác nhau cho mỗi loại hoạt chất, tuy nhiên hầu như chưa có nhà cung cấp từ các nước có chi phí sản xuất rẻ hơn như Trung Quốc hay Ấn Độ.

(ii) Chi phí nguyên liệu cho các API khác được nhập từ Trung Quốc và Ấn Độ tăng ~8,4% từ năm 2017 khi Trung Quốc bắt đầu đóng cửa các nhà máy sản xuất nguyên liệu không đạt chất lượng.

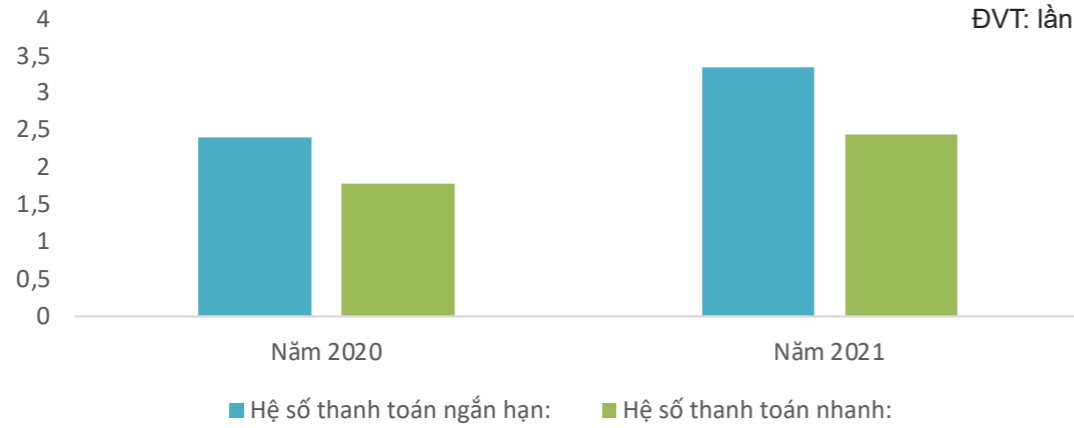
(iii) Nguyên liệu mẫn thiết bị y tế có giá thành cao và biến động mạnh do các công nghệ cốt lõi đều phụ thuộc vào các nguồn nhập khẩu cao cấp như phần mềm và CPU từ PLC Siemens (Đức), cảm biến áp suất từ Autonics (Hàn Quốc), áp kế từ WIKA (Đức), v.v.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,40	3,30
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,78	2,42
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,22	26,87
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	45,39	36,73
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,56	3,68
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,87	1,00
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,56	12,13
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,42	17,75
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,32	12,62
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,15	14,81



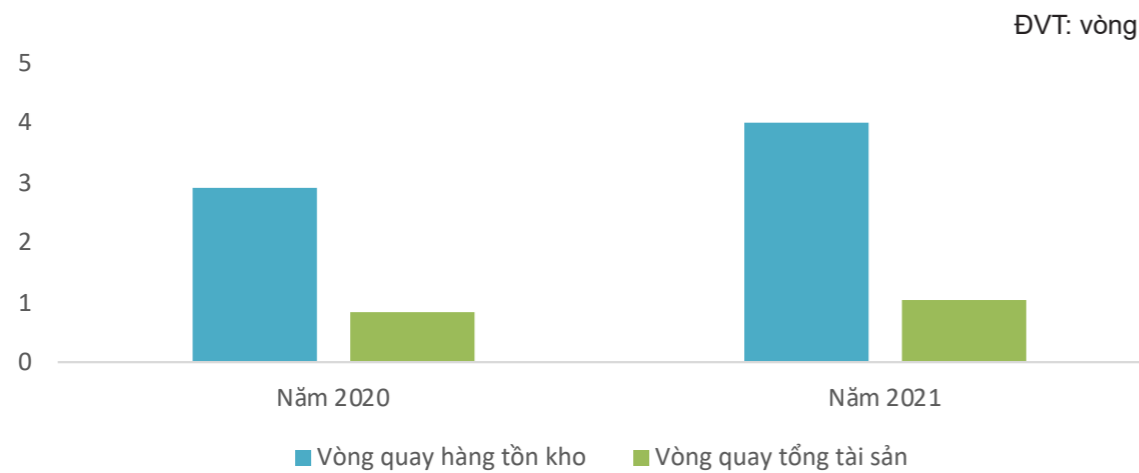
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của DBD có sự cải thiện đáng kể khi các hệ số nhóm này đều tăng mạnh hơn trong năm 2020 giúp khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn của Công ty luôn được đảm bảo ở mức tốt với các đối tác. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,40 lên 3,30 lần và khả năng thanh toán nhanh tăng từ 1,78 lên 2,42 lần. Tính thanh khoản gia tăng là

nhờ trong năm Công ty đã thanh toán bớt khoản nợ cho nhà cung cấp và trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông nên phần chi phí trả trước ngắn hạn giảm mạnh so với thời điểm đầu năm. Bên cạnh đó, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên vật liệu tăng khoảng 36 tỷ so với đầu năm, là các yếu tố giúp Bidiphar gia tăng khả năng thanh khoản của Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



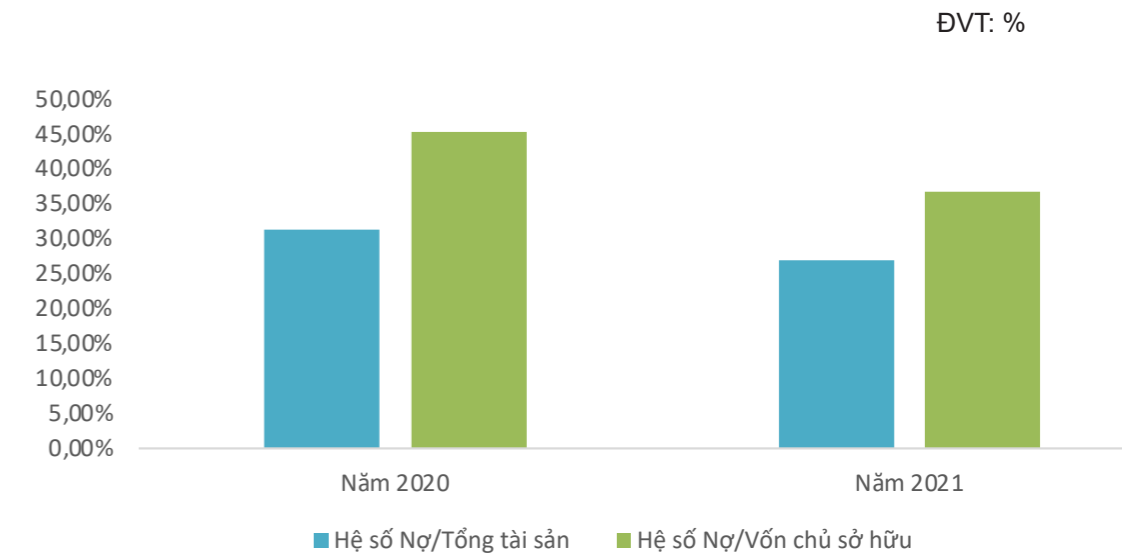
Hệ số vòng quay hàng tồn kho thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho. Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao thường cho thấy hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều. Năm 2021 nhu cầu sử dụng thuốc và vật tư y tế tăng mạnh khi tình hình dịch bệnh phức tạp, hàng hóa trong kho bao gồm nguyên vật liệu và các dòng thuốc đặc trị được luân chuyển nhiều hơn, doanh thu tăng trưởng tốt. Do đó, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,56 vòng lên 3,68 vòng. Hệ số vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,87 vòng lên 1,00 vòng năm 2021 cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản

đang cải thiện dần. Liên quan đến hiệu quả sử dụng tài sản cố định, dịch bệnh COVID-19 nhìn chung đang làm gián đoạn quá trình đăng ký tiêu chuẩn EU-GMP của các nhà máy đang đợi xét duyệt. Do đó, so với các doanh nghiệp có nhà máy hoạt động ổn định như DHG và DMC, hiệu quả sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp sở hữu nhà máy mới đang trong quá trình hoàn thiện hoặc nâng cấp và đang đợi xét duyệt tiêu chuẩn EU-GMP như DBD chưa thể tăng cao được.

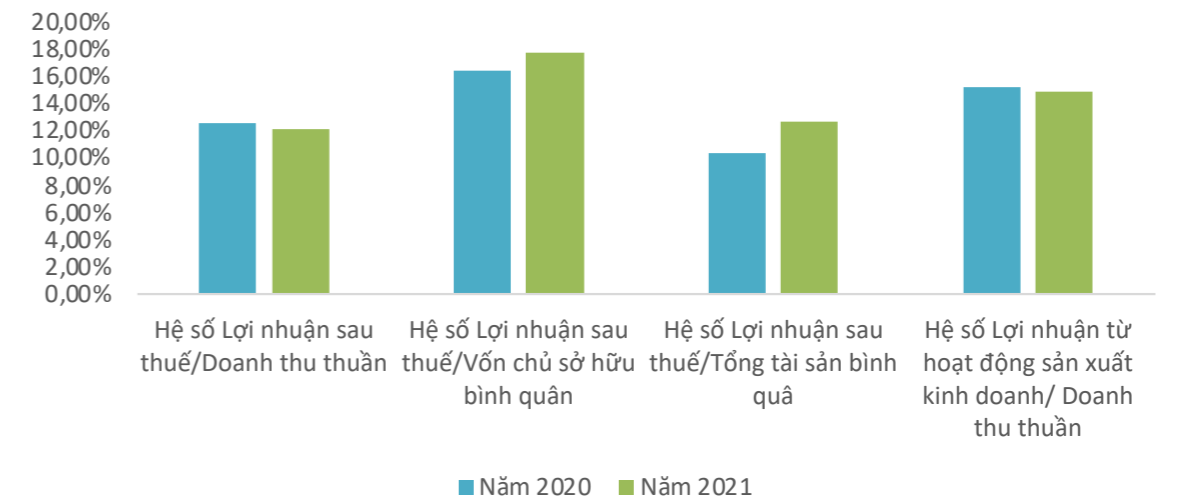
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tương tự như khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty cũng cải thiện đáng kể cho thấy một cơ cấu tài chính lành mạnh hơn. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản giảm từ 31,22% xuống 26,87% chủ yếu nhờ tình hình hoạt động kinh doanh khả quan, thu được lợi nhuận cao nên Công ty đã tiến hành thanh toán bớt các khoản nợ.

Cùng với đó, Bidiphar đã thực hiện phát hành tăng vốn thêm 10% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối nên vốn chủ sở hữu tăng mạnh lên 1.131,68 tỷ đồng ở thời điểm cuối năm, theo đó hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu giảm từ 45,39% xuống 36,73%.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Nhờ tình hình kinh doanh hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều tăng trưởng nên các hệ số về khả năng sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng cao hơn năm 2020. Cụ thể, hệ số ROA tăng từ 16,42% lên 17,75% vào năm 2021 và ROE tăng từ 10,32% lên 12,62%. Biên lợi nhuận gộp của

Công ty năm vừa qua tăng đột biến – đạt đỉnh 39,95% kể từ năm 2016 tới nay, cộng với công tác quản lý tốt chi phí, cùng kế hoạch trả nợ hợp lý giúp giảm áp lực về chi phí lãi vay, đã giúp các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của DBD tăng trưởng dương trong năm qua.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 57.612.444 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 57.612.444 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 40.085 cổ phiếu.
 Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	54.808.112,00	548.081.120.000,00	95,13%
1	Cổ đông nhà nước	7.683.450,00	76.834.500.000,00	13,34%
2	Cổ đông tổ chức	5.950.622,00	59.506.220.000,00	10,33%
3	Cổ đông cá nhân	41.174.040,00	411.740.400.000,00	71,47%
II	Cổ đông nước ngoài	2.764.247,00	27.642.470.000,00	4,80%
1	Cá nhân	101.177,00	1.011.770.000,00	0,18%
2	Tổ chức	2.663.070,00	26.630.700.000,00	4,62%
III	Cổ phiếu quỹ	40.085,00	400.850.000,00	0,07%
	Tổng cộng	57.612.444,00	576.124.440.000,00	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.



Chương 3

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, quản lý,
chính sách





Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

KHÓ KHĂN

THUẬN LỢI

Thị trường dược phẩm Việt Nam có rất nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Tốc độ tăng trưởng dân số ổn định, sự nhận thức về sức khỏe của người dân cũng như mức chi tiêu bình quân nói chung và cho sản phẩm dược phẩm nói riêng tăng lên giúp ngành Dược Việt Nam giữ vững tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian tới.

Về sản phẩm thuốc điều trị ung thư tại Việt Nam, Dược Bình Định là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tiến hành nghiên cứu bào chế thuốc điều trị ung thư (năm 2008) và cũng là doanh nghiệp đầu tiên được Bộ y tế cấp số đăng ký cho phép sản xuất thuốc điều trị ung thư tại Việt Nam. Qua những năm thực hiện, doanh nghiệp đã cung ứng cho trên 50 bệnh viện ung bướu, bệnh viện đa khoa cấp tỉnh trên toàn quốc.



Các chính sách nhà nước nhất là chính sách đầu tư vào bệnh viện thiếu ổn định và thường xuyên thay đổi. Hiện dự thảo thông tư thay thế thông tư đầu thầu đã qua nhiều lần lấy ý kiến nhưng vẫn chưa được ban hành. Thông tư về đăng ký thuốc cũng vẫn trong giai đoạn chỉnh sửa trước khi ban hành.

Các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương có hiệu lực làm gia tăng áp lực cạnh tranh của các ngành khi các sản phẩm giá thấp của Ấn Độ, Trung Quốc sẽ được giảm thuế từ đó thu hút người tiêu dùng hơn. Mặt khác tâm lý sinh ngoại của người dân làm cho các sản phẩm sản xuất trong nước gặp khó khăn khi phải đối đầu với sản phẩm nước ngoài.

Hầu hết các nguyên vật liệu trong ngành Dược phẩm đều được nhập khẩu từ nước ngoài (Ấn Độ, Trung Quốc, Châu Âu,...) nên nguồn cung nguyên liệu phải chịu sự phụ thuộc. Trước tình hình dịch bệnh covid -19 diễn ra toàn cầu đã gây hạn chế cho việc xuất nhập khẩu, giá nguyên vật liệu vẫn tiếp tục tăng.

Bảo hiểm y tế (BHYT) đang tiến tới 100% người dân, người bệnh khi đau ốm đều được cấp phát thuốc BHYT, do vậy việc phát triển thị trường tự do cho dòng thuốc điều trị sẽ ngày càng khó khăn;

Các tập đoàn lớn như Abbot (Hoa Kỳ), Taisho (Nhật Bản) đã và đang đầu tư mạnh vào ngành Dược sản xuất tại Việt Nam, bên cạnh yếu tố tích cực còn kéo theo nguy cơ bóp nghẹt các nhà sản xuất Dược trong nước. Trong khi đó hình thức các chuỗi bán lẻ các sản phẩm dược đang mở rộng tại Việt Nam kéo theo tình trạng cạnh tranh trong phân phối các sản phẩm. Nếu không có hệ thống tự phân phối mạnh mẽ, các Công ty sản xuất Dược dễ rơi vào cảnh bị phụ thuộc, ép giá... làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

Các yêu cầu quản lý chất lượng ngày càng cao. Theo quy định, doanh nghiệp phải tự cập nhật các quy định GPs, các tiêu chuẩn dược liệu phiên bản mới nhất. Hầu hết các phiên bản, tiêu chuẩn cập nhật đều đòi hỏi phải tăng tần số và quy mô thẩm định; tăng kiểm soát trong suốt quá trình tạo sản phẩm (hướng tới kiểm soát Online 100% Sản phẩm), tăng kiểm soát tạp chất liên quan, bổ sung thêm nhiều chỉ tiêu chất lượng... do vậy chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát chất lượng cũng ngày càng lớn.





TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tài sản ngắn hạn	1.115,4	1.021,2	1.028,8	835,8	948,20
Tiền và các khoản tương đương tiền	96,50	92,50	138,20	108,72	69,27
Đầu tư tài chính ngắn hạn				93,34	139,20
Các khoản phải thu ngắn hạn	405,90	428,90	445,10	412,70	478,91
Hàng tồn kho	289,90	269,70	313,00	214,90	254,08
Tài sản dài hạn	428,80	413,10	591,70	601,56	611,32
Tài sản cố định	247,00	244,00	236,70	248,62	247,09
Tài sản dở dang dài hạn	11,30	25,10	164,80	170,58	184,39
Tổng tài sản	1.544,20	1.434,30	1.620,50	1.437,41	1.559,52

Kết thúc năm 2021, tổng tài sản của Bidiphar đạt 1.559,52 tỷ đồng, tăng nhẹ 8,6% so với đầu năm, chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng gần 113 tỷ đồng – đây là khoản mục tài sản chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2021, tài sản ngắn hạn ghi nhận 948,2 tỷ đồng, tăng 13,45% so với đầu năm và đóng góp vào 60,80% tổng tài sản toàn Công ty. Nguyên nhân dẫn đến sự tăng lên này là do sự tăng lên ở các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho và đầu tư tài chính ngắn hạn so với thời điểm đầu năm – đây là ba khoản mục đóng góp với tỷ trọng cao nhất trong danh mục tài sản ngắn hạn của Công ty.

Các khoản phải thu ngắn hạn (chiếm 50,50% tài sản ngắn hạn) đạt 478,91 tỷ đồng tăng 16% so với đầu năm, chủ yếu do tăng phải thu ở nhóm khách hàng khác của Công ty. Bên cạnh đó, hàng tồn kho (chiếm 26,80% tài

sản ngắn hạn) cũng đóng góp tăng cho tài sản ngắn hạn đã tăng 18,23% so với đầu kì và đang ghi nhận 254,1 tỷ đồng, mức tăng này tập trung ở nguyên liệu vật liệu phục vụ cho việc sản xuất các dòng thuốc của Công ty. Tổng tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 1 năm) không có nhiều thay đổi so với đầu năm, đang duy trì hơn 208 tỷ tại ngày cuối năm 2021.

Giá trị tài sản dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2021 không có sự thay đổi đáng kể so với cùng kỳ, duy trì ở mức 611,32 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định chiếm 40,42% tài sản dài hạn. Năm 2021, DBD đang tiến hành xây dựng văn phòng làm việc ở chi nhánh Hồ Chí Minh với giá trị dở dang là 24,8 tỷ đồng nên tài sản dài hạn tăng nhẹ so với đầu năm.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Nợ phải trả	711,10	543,70	688,00	448,78	418,97
Nợ ngắn hạn	655,80	497,30	580,30	347,87	282,75
Nợ dài hạn	55,40	46,40	107,70	100,91	136,22
Vốn chủ sở hữu	833,00	890,60	932,50	988,63	1.140,55
Vốn góp chủ sở hữu	523,80	523,80	523,80	523,79	576,12
LNST chưa phân phối	204,00	249,40	281,70	326,32	416,27
Tổng nguồn vốn	1.544,20	1.434,30	1.620,50	1.437,41	1.559,52

Giai đoạn 2017 – 2021, cơ cấu nguồn vốn ngày càng cải thiện khi Công ty liên tục thanh toán dần các khoản nợ phải trả ngắn hạn giúp Bidiphar duy trì khả năng thanh toán và đảm bảo một cơ cấu tài chính lành mạnh. Cụ thể năm 2021, nợ phải trả tiếp tục giảm so với năm 2020, đạt mức 418,97 tỷ đồng và phần lớn vẫn là các khoản nợ ngắn hạn với 67,49% tổng nợ phải trả. Nợ ngắn hạn cuối năm còn 286,97 tỷ đồng, giảm gần 61 tỷ đồng so với đầu năm do Công ty tiến hành thanh toán bớt các khoản nợ cho các nhà cung cấp như TruKing Technology, Fresenius Kabi và thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông nên khoản phải trả ngắn hạn giảm về 6,3 tỷ đồng so với con số 80,97 tỷ đồng đầu năm. Vay nợ ngắn hạn chỉ khoản 21 tỷ đồng chủ yếu dùng để bổ sung vốn lưu động và chiếm tỷ trọng dưới 10% nợ ngắn hạn. Nợ dài hạn cuối năm là 132 tỷ đồng, tăng hơn 30% so

với đầu năm do Công ty tăng vay nợ dài hạn lên 76 tỷ đồng để tài trợ cho dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao – giai đoạn 1: Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư và tăng trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ phục vụ cho các kế hoạch phát triển sản phẩm trong tương lai của Công ty.

Vốn chủ sở hữu cuối năm 2021 chiếm 73,13% tổng nguồn vốn cho thấy cơ cấu tài chính của Bidiphar ngày càng lành mạnh, cụ thể vốn chủ sở hữu đạt mức 1.131,68 tỷ đồng, tăng 16,16% so với cuối năm 2020. Trong đó, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 576,12 tỷ đồng do DBD đã thực hiện tăng vốn 10% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến hết năm 2021 đạt 416,27 tỷ đồng, tăng gần 100 tỷ đồng khi tình hình kinh doanh năm qua đạt tăng trưởng tốt.



VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DƯỢC PHẨM

Tách hoạt động bán hàng theo chiều dọc 03 kênh (OTC, ETC, Logistics) và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản trị hệ thống bán hàng mới: Quy chế hoạt động chi nhánh, Quy chế lương và KPI, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ vị trí công việc ...

Hoạt động đào tạo được tiến hành đồng bộ cho cả hệ thống sale và marketing. Đặc biệt, nhiều lớp đào tạo có tính hệ thống, trang bị kiến thức từ căn bản đến thực tế kéo dài 3-4 tháng đảm bảo tính ứng dụng cao nhất.

Các đợt ra quân khảo sát Masterdata, ra quân bán hàng theo route tuyến mới được chuẩn bị khá chu đáo, đồng bộ với truyền thông để trang bị kiến thức, kỹ năng và giúp anh chị em có sự nhận thức tốt, đồng lòng ủng hộ cách làm mới.

Kênh OTC

- ✓ Thiết lập được Masterdata hơn 40.000 khách hàng.
- ✓ Xây dựng Route tuyến, cập nhật MCP phối hợp cùng ASM rà soát dữ liệu khách hàng để TDV ra quân tại 100% các chi nhánh.
- ✓ Một số hoạt động cụ thể được triển khai theo phương thức tiếp cận khách hàng mới: Đào tạo các quy trình bán hàng, Triển khai các hoạt động POSM tại điểm bán như trưng bày mặt hộp, dán Poster, Sticker, chương trình Trade.
- ✓ Doanh thu 567,8 tỷ đạt 109% kế hoạch, tăng trưởng 116 % so với năm 2020.
- ✓ Số lượng khách hàng 14.791 KH # 99%, hầu như các Chi nhánh đều tăng, một số Chi nhánh tăng cao như Hà Nội, HCM, Đồng Nai, Hải Phòng.

Thay đổi phương thức tác nghiệp giữa các bộ phận và thị trường trong điều kiện dịch bệnh. Nhiều cuộc họp đã được tổ chức tại Công ty, online với các chi nhánh để bàn về các ban hành các quy định mới và các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt, phát huy vai trò chủ đạo trong chỉ đạo theo kênh, theo chiều dọc, LĐ và phụ trách các kênh, nhất là NSM đã chủ động triển khai các cuộc họp nhằm trao đổi 2 chiều giữa công ty và chi nhánh, giải quyết kịp thời các vấn đề của thị trường và truyền thông, hướng dẫn kịp thời các chủ trương chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Kết quả đạt được:

Kênh ETC

- ✓ Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước, các bệnh viện hầu như giảm thu dung bệnh nhân điều trị nội trú, số lượng bệnh nhân vào viện khám chữa bệnh giảm đáng kể, đặc biệt là các bệnh viện tuyến huyện hầu như không có bệnh nhân, việc bán hàng kênh ETC gặp khó khăn về phát triển doanh thu.
- ✓ Thông qua các nền tảng họp trực tuyến với tất cả ASM kênh ETC để trao đổi thông tin, đánh giá kết quả thực hiện, bàn bạc các giải pháp kịp thời hiệu quả....
- ✓ Khai thác tốt kết quả thầu các sản phẩm chủ lực, tích cực nắm bắt thông tin sử dụng thuốc tại các cơ sở điều trị.
- ✓ Doanh số Kênh ETC đạt 82% so với kế hoạch năm và 98% so với cùng kỳ. Các nhóm sản phẩm chủ lực của công ty tăng trưởng tốt: tỷ lệ khai thác SPCL đạt 69,7% (năm 2020 đạt 49,5%). Thuốc ung thư tăng 38,5%; dịch thận tăng 34,4 %; kháng sinh tiêm tăng 11%.

Về Hoạt động kinh doanh vật tư thiết bị y tế

- ✓ Năm 2021, doanh thu mảng thiết bị vật tư y tế đạt 360 tỷ đồng, vượt 360% so với kế hoạch đề ra (100 tỷ đồng). Đạt được kết quả khả quan nhờ thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu.
- ✓ Hoàn thiện quy trình quản trị trong quản lý kinh doanh nhóm hàng đặc thù, xây dựng, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự nhất là trong lĩnh vực chuyên ngành. Thiết lập quy trình liên phòng ban với Marketing, Sale để triển khai phân phối mặt hàng trang thiết bị trên phạm vi cả nước.
- ✓ Thực hiện giải pháp tái cơ cấu danh mục sản phẩm kinh doanh, khai thác và tạo nguồn hàng chủ động và có lợi thế trên thị trường, bộ phận trang thiết bị cũng đã và đang xây dựng danh mục nhóm hàng nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài và phân phối cho các cơ sở y tế trong cả nước, lựa chọn nhóm mặt hàng có độ phủ rộng và giá cả cạnh tranh.
- ✓ Ngoài ra, Bidiphar cũng đã chung tay cùng với tỉnh tham gia và hỗ trợ nhân dân phòng chống dịch covid-19. Nhóm kinh doanh TTBYT cũng đã cố gắng khai thác nguồn cung và cung cấp kịp thời nhất nhu cầu các loại vật tư phòng

chống dịch tại địa phương với chất lượng sản phẩm tốt, giá cả hợp lý và đặc biệt là đảm bảo kịp thời phục vụ công tác phòng chống dịch.

Về hoạt động Logistic

- ✓ Việc triển khai bán hàng mở điểm phủ kênh OTC dẫn đến số lượng khách hàng tăng nhiều, đơn hàng nhỏ lẻ nhiều, vị trí của nhiều khách hàng rất xa Chi nhánh; thêm vào đó tình hình dịch diễn biến phức tạp, rất nhiều tỉnh thành thực hiện Chỉ thị 15, 16 gây rất nhiều khó khăn trong việc đi lại. Tuy nhiên, việc vận chuyển, giao hàng đến khách hàng vẫn được anh chị em logistics các chi nhánh tìm các giải pháp khác nhau để đảm bảo kịp thời theo kế hoạch.
 - ✓ Trong năm, kênh logistics đã hoàn thiện và triển khai quy trình giao hàng từ Công ty đến chi nhánh, từ chi nhánh đến khách hàng và đã bước đầu theo dõi kết quả giao hàng, chi phí giao hàng từng chi nhánh, toàn Công ty.
- Hiện nay, bình quân mỗi tháng các chi nhánh tiếp nhận và giao khoảng 20.000 đơn hàng, trong đó 10% là ETC, 90% là OTC.



Những cải tiến, thay đổi (tiếp theo)

VỀ HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN TRUYỀN THÔNG, HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI

- ✓ Các hoạt động marketing được tiến hành chuyên nghiệp, đồng bộ với Sale.
- ✓ Lựa chọn danh mục sản phẩm Push, sản phẩm chủ lực OTC
- ✓ Đào tạo kiến thức về sản phẩm
- ✓ Xây dựng các chương trình Trade hỗ trợ Sale ra quân mở khách hàng mới, cung cấp kịp thời các vật phẩm, giới thiệu sản phẩm, sale tool kit hỗ trợ TDV.
- ✓ Tổ chức các hoạt động kết nối Sale với Marketing: Talkshow Bidiphar; mở các Group ra quân; Group Sale- Marketing.
- ✓ Thành lập website thương mại điện tử bidipharshop.com và mở rộng bán hàng trên sàn điện tử Shopee.
- ✓ Quảng bá sản phẩm trên mạng xã hội bao gồm xây dựng và vận hành 3 fanpage, 1 website cho 03 nhãn hàng Calci vita, Hebamic, Phosphagaspain.
- ✓ Lập Group “Nhà thuốc lớn mạnh cùng Bidiphar”: xây dựng các hoạt động thu hút, tăng tương tác cho các thành viên Nhà thuốc trên Group.
- ✓ Thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng chuyên biệt với tổng đài 1800.888.677 kết nối với phần mềm CRM. Cùng với hoạt động truyền thông, bước đầu kênh CSKH cũng đã phát huy hiệu quả, nhiều khách hàng đã biết đến và tương tác tìm hiểu thông tin về công ty, sản phẩm.
- ✓ Xây dựng và đẩy mạnh hoạt động truyền thông nội bộ thông qua việc phát triển Group “Bidiphar – My family” thành kênh truyền thông nội bộ chính thức của Công ty và phát triển Podcast – Radio để tăng sự kết nối của CBCNV.

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MUA NGUYÊN VẬT LIỆU

- ✓ Hoạt động sản xuất đáp ứng tốt nhu cầu cung ứng hàng hóa cho khách hàng, tổng sản lượng sản xuất nhập kho năm 2021 đạt 602 triệu đơn vị sản phẩm, đạt 102% kế hoạch năm.
- ✓ Kết nối được dữ liệu dự báo bán hàng, theo dõi diễn biến tồn kho và kế hoạch sản xuất đang triển khai, giúp cải thiện hoạt động dự báo nhu cầu sản xuất, kịp thời cung ứng cho thị trường, đảm bảo định mức tồn kho và kịp thời báo động đến bộ phận mua hàng nhu cầu hàng hoá đột biến tăng/giảm.
- ✓ Hoạt động mua nguyên vật liệu đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, kiểm nghiệm và nghiên cứu sản phẩm.
- ✓ Hoàn thiện quy trình và sắp xếp kho bảo quản nguyên liệu hoá chất – chất chuẩn, nguyên liệu nghiên cứu ngăn nắp theo nguyên tắc GSP; theo dõi chặt chẽ và báo cáo định kỳ tồn kho – hạn dùng.

VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- ✓ Khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh, thực thi các chính sách bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn: công nợ, vốn luân chuyển,...
- ✓ Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về kế toán thống kê, tuân thủ các chuẩn mực về chế độ kế toán hiện hành; cung cấp kịp thời các số liệu, tài liệu cho công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc.
- ✓ Thực hiện các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán định kỳ đúng tiến độ, công bố kịp thời trên thị trường chứng khoán.



VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI VÀ ĐĂNG KÍ THUỐC

- ✓ Trong năm số sản phẩm mới được đề xuất nghiên cứu là 100 sản phẩm, bao gồm nhóm sản phẩm phục vụ cho Dự án Nhà máy thuốc viên Nonbetalactam.
- ✓ Hợp tác với đối tác nước ngoài để tiếp nhận chuyển giao công nghệ 2 sản phẩm, dự kiến nộp hồ sơ đăng ký châu Âu để làm tiền đề mời cơ quan quản lý Dược châu Âu đánh giá GMP - EU cho nhà máy Nhơn Hội.
- ✓ Triển khai thẩm định sản xuất tại Nhà máy thuốc Ung thư Nhơn Hội cho 14 sản phẩm.
- ✓ Cải tiến các sản phẩm chiến lược kênh OTC: Phospha gaspain, Calci Vita.
- ✓ Xây dựng thuyết minh 04 đề tài cấp Tỉnh đã được phê duyệt:

"Nghiên cứu ứng dụng quy trình trồng theo tiêu chuẩn GACP-WHO và chế biến sản phẩm thương mại cho cây dược liệu Đảng sâm [Codonopsis javanica (Blume.) Hook.f.] tại xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định".

"Nghiên cứu phát triển dạng bào chế hiện đại và đánh giá tác dụng của bài thuốc điều trị chấn thương toàn thân trong võ cổ truyền Bình Định".

"Nghiên cứu ứng dụng quy trình trồng theo tiêu chuẩn GACP-WHO và chế biến sản phẩm thương mại cho cây dược liệu Ba kích, Hà thủ ô [Codonopsis javanica (Blume.) Hook.f.] tại xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định".

"Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và chế biến một số sản phẩm từ cây Chè dây tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định".



VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng và kiểm nghiệm luôn cải tiến, cập nhật đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ngày càng cao của cơ quan quản lý trong nước và quốc tế.
- ✓ Năm 2021, được Bộ Y tế đánh giá đạt chứng nhận GMP/GLP-WHO cho Nhà máy Nhơn Hội; tái đánh giá đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- ✓ Cải thiện hiệu quả công tác kiểm tra mẫu độ ổn định, tiến đến kiểm soát tốt hơn chất lượng sản phẩm.

VỀ HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ

- ✓ Tổng nhân sự Bidiphar tính đến ngày 31/12/2021 là 1.181 người.
- ✓ Tăng cường tuyển dụng, đào tạo nhân sự đáp ứng triển khai chiến lược thay đổi mô hình kinh doanh.
- ✓ Thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ lãnh đạo kế thừa, trong tháng 12, Công ty đã tiến hành thông báo mời ứng viên cho vị trí cấp trưởng phó phòng khối sản xuất tham gia ứng cử, trình bày kế hoạch hành động và thành lập Hội đồng tuyển chọn, bổ nhiệm. Đã có 10 cán bộ trẻ thế hệ 8X, 9X được bổ nhiệm giữ chức vụ phó phòng hoặc tương đương.
- ✓ Thu nhập bình quân năm 2021 là 09 triệu đồng/người/tháng; đảm bảo ổn định việc làm cho 100% NLĐ; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG

- » Ủng hộ hàng sản xuất trong nước đang là xu hướng của ngành y tế
- » BHXH toàn dân đang đạt được kết quả tích cực; số lượng bệnh nhân tới cơ sở điều trị nhiều hơn.
- » Sự phát triển mạnh mẽ của khối bệnh viện tư nhân cũng góp phần gia tăng chi tiêu thuốc trong kênh bệnh viện
- » Hiện nay, số bệnh viện tư nhân khoảng hơn 200 đơn vị với tốc độ tăng trưởng 6.8%/năm.
- » Mặc dù dịch bệnh hiện nay vẫn đang diễn biến phức tạp, xuất hiện thêm chủng mới nhưng với việc Chính phủ thúc đẩy hoàn thành bao phủ vắc-xin vào cuối năm 2021, chuyển chiến lược từ Zero Covid sang “sống chung an toàn với dịch” theo Nghị quyết 128/NQ-CP sẽ giúp cho nền kinh tế nói chung và ngành dược nói riêng phục hồi và tạo đà tăng trưởng trong năm 2022.
- » Dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng nguyên liệu sản xuất dược phẩm, Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao so với cùng kỳ, điều này đã gây áp lực lớn lên biên lợi nhuận hoạt động của công ty.
- » Công ty đang trong quá trình đổi mới hệ thống quản lý bán hàng, do vậy hoạt động quản trị nhân sự, xây dựng phát triển đội ngũ; xây dựng hoàn thiện các quy trình công việc; các chính sách lương, thưởng, KPI... phải đổi mới. Việc tiếp nhận nhiều nhiệm vụ mới nên tất cả các bộ phận đều rất áp lực trong công việc.
- » Năm 2022, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch trong chiến lược 5 năm và tầm nhìn 10 năm đến 2031. Để thực hiện được các mục tiêu chiến lược này, Công ty xác định 4 nhóm giải pháp trọng tâm như sau:
 - Chuyên nghiệp hoá đội ngũ nhân sự
 - Đầu tư nhà máy – tạo khác biệt về sản phẩm và công nghệ sản xuất
 - Hiện đại hoá mô hình quản trị hoạt động sản xuất - kinh doanh
 - Đề cao tôn vinh văn hóa Bidiphar - gắn kết truyền thống lịch sử hơn 40 năm của doanh nghiệp với tầm nhìn tương lai.



PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	%Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	576	691,2	120%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.634,7	1.700	104%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	232,4	215	92,5%
4	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu (%/vốn điều lệ)*	%	20%	Tối thiểu 20%	100%

* ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức chi cổ tức theo kế hoạch đầu tư.



Kế hoạch phát triển trong tương lai (tiếp theo)

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2022

STT	Nhóm	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	Diễn giải chi tiết
1	Dự án Dược liệu	4.000,0	Dây chuyền sơ chế, chiết xuất Dược liệu+Xây dựng khu sơ chế và chiết xuất dược liệu
2	Các dự án đầu tư NM sản xuất dược phẩm	211.704,0	
	<i>Nhà máy SX thuốc điều trị ung thư (Viên)</i>	<i>47.135,0</i>	<i>Tiếp tục đầu tư nhà máy CNC giai đoạn 2 (2021-2022) - thuốc Viên ung thư -Nhơn Hội</i>
	<i>Phân xưởng thuốc Penicilline</i>	<i>41.569,0</i>	<i>Cải tạo và nâng cấp dây chuyền SX thuốc tiêm bột betalactam 1 – Quy Nhơn (2022)</i>
	<i>Nhà máy OSD-Non-Betalactam</i>	<i>123.000,0</i>	<i>Nhà máy OSD tại Nhơn Hội theo Tiêu chuẩn GMP-EU – tiến độ dự kiến 2022-2023</i>
3	Hệ thống Logistic	2.620,0	Đầu tư phương tiện vận chuyển hàng
4	Dự án đầu tư XDCB	60.500,0	
	<i>Showroom giới thiệu SP tại đường Tây Sơn - Quy Nhơn</i>	<i>5.500,0</i>	<i>2.000m2, bao gồm kho và Showroom sản phẩm TBYT</i>
	<i>Văn phòng cho thuê tại 34 Ngô Mây</i>	<i>55.000,0</i>	<i>Xây dựng Văn phòng kinh doanh cho thuê</i>
5	Đầu tư cải tạo và bổ sung nâng cấp dây chuyền thiết bị các xưởng khu 498 NTH, và R&D, QC	25.116,0	Bổ sung thiết bị cho các PX sản xuất, Bổ sung thiết bị nghiên cứu cho R&D, thiết bị kiểm nghiệm cho phòng QC nâng cao năng lực kiểm tra sp.
6	Nâng cấp hạ tầng CNTT, sửa chữa kho, văn phòng, công cụ PX Cơ điện	7.921,0	
Tổng cộng		311.861,0	

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Nhằm thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh và đầu tư phát triển trong năm 2022, Ban điều hành dự kiến các nhóm giải pháp cốt lõi sẽ triển khai thực hiện trong năm:

1. Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm (AOP) cho các đơn vị/phòng ban

Đổi mới việc giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị phòng ban trong năm 2022

Trên cơ sở mục tiêu chung của công ty (bao gồm các nhóm mục tiêu: tài chính, khách hàng, vận hành, phát triển) các đơn vị/ phòng ban sẽ tiến hành xây dựng mục tiêu kế hoạch AOP năm cho đơn vị mình (thuộc các khối: sản xuất, hành chính quản lý và bán hàng), Từ mục tiêu sẽ phân bổ Kế hoạch hành động chi tiết nhằm đạt được mục tiêu và phân bổ KPI thực hiện cho từng nhân viên tại đơn vị.

Các đơn vị linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch mục tiêu, ngân sách thực hiện cũng như kết quả cần đạt được cuối tháng/quý/năm.

Việc kiểm soát AOP được thực hiện định kỳ hàng tháng và chuyển thông tin cho Ban điều hành phân tích ra quyết định quản lý kịp thời.

2. Hoàn thiện và phát triển hệ thống bán hàng

2.1. Kênh bán hàng OTC

Tăng doanh thu sản phẩm chủ lực trên từng khách hàng: Xây dựng KPIs về số SKU sản phẩm chủ lực;

Khai thác tối đa khách hàng chuỗi nhà thuốc, khách hàng sỉ và kênh bán hàng online.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí Marketing, đánh giá hiệu quả theo từng chương trình thực hiện

Đánh giá giải pháp sáng tạo & đo lường hiệu quả các hoạt động MKT: Brand, PR, Digital.

Thực hiện chính sách duy trì khách hàng cũ, tăng số lượng khách hàng mới: Xây dựng tuyến MCP phù hợp, xây dựng chính sách để tăng doanh thu từ khách hàng cũ; Triển khai các hoạt động Trade MKT để mở mới khách hàng.

Chuẩn hóa quy trình hoạt động, thường xuyên đào tạo kỹ năng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ trình dược viên.

2.2. Kênh bán hàng ETC

Nâng tỷ trọng doanh thu sản phẩm chủ lực/ tổng doanh thu đạt trên 75% trong năm 2022, tăng nhận diện thương hiệu dòng sản phẩm chủ lực đến từng khách hàng

Xây dựng mới bộ dữ liệu khách hàng cho kênh, thiết lập quy trình bán hàng theo MCP, tăng khả năng kiểm soát hiệu quả NV bán hàng.

Xây dựng các chính sách đặc thù bán hàng của kênh

Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, chuẩn hóa bộ dữ liệu danh mục KPI, tiêu chí đánh giá cho từng vị trí công việc, xác định nhân sự kế thừa để phát triển cho các vị trí quan trọng

2.3. Kênh bán hàng TBYT

Lựa chọn xác định Danh mục sản phẩm chính kinh doanh và tập trung triển khai bán hàng, xây dựng chính sách theo danh mục.

Phát triển đội ngũ NV tại các khu vực trọng điểm tăng khả năng hiện diện của sản phẩm tại thị trường.

Xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp nhằm thu hút đội ngũ nhân viên, chuyên gia giỏi trong lĩnh vực kinh doanh TBYT

Phát triển sản phẩm/ nhóm sản phẩm phân phối độc quyền, bao gồm sản phẩm trong và ngoài nước.

Xây dựng Showroom sản phẩm tại Bình Định hỗ trợ công tác kết nối và xúc tiến hợp tác với nhà cung ứng-người sử dụng. Cập nhật kiến thức chính sách mới về kinh doanh TBYT nhằm đảm bảo tính phù hợp trong chiến lược thực hiện.

2.4. Logistics

Phối hợp các kênh (dự báo bán hàng) lập dự trữ hàng hóa phù hợp. Xây dựng định mức hàng tồn kho đối với sản phẩm chủ lực theo sản lượng theo sát với kế hoạch đặt hàng tháng/ quý/ năm.

Xây dựng hệ thống cảnh báo hàng tồn kho, lập kế hoạch luân chuyển và điều tiết hàng hóa giữa các kho và giữa các chi nhánh.

Xây dựng tuyến giao hàng phù hợp, đảm bảo trên 95% đơn hàng giao đến khách hàng kịp thời. Tối ưu hóa chi phí vận chuyển, hạn chế thấp nhất các sự cố phát sinh chi phí trong quá trình vận chuyển.

Lập Phương án xây dựng hệ thống Logistics trung tâm tại các khu vực nhằm chuyên nghiệp hóa công tác quản lý dự trữ, giao nhận, thu tiền, hậu cần,...đảm bảo tính khả thi cao và tiết kiệm chi phí.



Tuyển dụng nhân sự chuyên ngành, đào tạo vận hành theo tiến độ triển khai hệ thống mới.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lập kế hoạch và quản lý vận chuyển giao nhận hàng.

3. Marketing và xúc tiến bán hàng

Hoàn thiện chiến lược phát triển Marketing/ Kinh doanh cho Bidiphar giai đoạn 2022-2026.

Xây dựng kế hoạch triển khai chiến lược và thực thi từ 2022.

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự MKT.

Triển khai hoạt động MKT chuyên nghiệp, gắn với mục tiêu chiến lược: Bán hàng đa kênh Tiếp thị đa điểm. Xây dựng và quảng bá thương hiệu Bidiphar gắn với từng dòng sản phẩm cụ thể trên thị trường.

Thực hiện việc phân loại khách hàng và có các chính sách tiếp thị chăm sóc phù hợp, hỗ trợ Sale xúc tiến bán hàng, mở rộng khách hàng mới, giữ chân khách hàng cũ.

4. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện qui trình quản trị hiện đại

Đưa nội dung số hóa vào mục tiêu bắt buộc tại mỗi phòng ban đơn vị.

Xây dựng các qui trình tương tác liên phòng ban. Hoàn thiện, chuẩn hóa các SOP chi tiết nhằm đảm bảo tính kết nối và đồng bộ trong vận hành, tương tác giữa các phòng ban liên quan.

Quản lý doanh thu/chi phí hiệu quả thông qua qui trình lập kế hoạch AOP và kiểm soát thực hiện hàng tháng.

Đẩy mạnh phát triển ứng dụng số vào quản lý toàn diện SXKD, bao gồm Thực hiện cải tiến, phát triển, khai thác các modules/tính năng/phần mềm hiện có và tìm kiếm triển khai ứng dụng mới

Dự kiến triển khai phần mềm ứng dụng mới:

- Triển khai nền tảng tương tác nội bộ công ty.
- Phần mềm Quản lý đào tạo – E-learning
- Phần mềm quản lý giao hàng cho kênh Logistisc
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung công ty và hệ thống báo cáo quản trị.
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cho kênh bán hàng điều trị (ETC).
- Ứng dụng giải pháp Microsoft 365 vào quản lý công việc.



5. Đẩy mạnh hoạt động đầu tư và nghiên cứu phát triển

5.1. Nghiên cứu phát triển

Cải tiến quy trình phát triển sản phẩm mới theo hướng tạo sự khác biệt của sản phẩm gắn với nhu cầu thị trường. Ứng dụng công nghệ kỹ thuật mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nghiên cứu đề xuất việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng cho các sản phẩm chiến lược của Công ty.

Số sản phẩm dự kiến phát triển mới trong năm 35 sản phẩm.

Ứng dụng 02 công nghệ/ kỹ thuật mới vào nghiên cứu sản phẩm mới

Tiếp tục các hoạt động liên kết, chuyển giao kỹ thuật với công ty Kyorin-Japan, công ty Zydus Ấn độ, KT Hàn Quốc.

Tiếp tục hợp tác với các trường Đại học có uy tín, các Viện nghiên cứu trong nghiên cứu chuyển giao công nghệ và phát triển sản phẩm mới.

5.2. Đầu tư mới

Khởi công xây dựng nhà máy Nonbetalactam đạt tiêu chuẩn GMP-EU tại Khu kinh tế Nhơn hội, dự kiến vào Quý 3/2022.

Triển khai đánh giá, được cấp chứng nhận GMP-WHO dây chuyền thuốc viên điều trị ung thư tại Chi nhánh Nhơn Hội vào Quý 3/2022.

Triển khai các bước để nộp hồ sơ đăng ký, chứng nhận GMP-EU cho Nhà máy thuốc điều trị ung thư (dự kiến 2024).

Đầu tư xây dựng showroom thiết bị vật tư y tế (2000m2 tại đường Tây Sơn), dự kiến khởi công Quý 2/2022.

Đầu tư Văn phòng cho thuê tại khu đất 34 Ngô Mây, dự kiến khởi công Quý 3/2022.



6. Xây dựng đội ngũ nhân sự và giải pháp tiền lương phù hợp

6.1. Nhân sự

Tăng cường tuyển dụng nhân sự cấp cao, chuyên môn tốt bổ sung cho hoạt động phát triển.

Xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ trong khối theo đúng chuyên môn, theo định kỳ 3-5/lần. Có thông báo trước cho nhân sự chuẩn bị. Luân chuyển khác khối cho một số vị trí.

Xây dựng và Triển khai chương trình lãnh đạo/chuyên gia tương lai:

- Xây dựng được hệ thống tiêu chí/ lộ trình thăng tiến rõ ràng theo hướng lãnh đạo/ chuyên gia mỗi khối/ phòng ban
- Tổ chức đánh giá từng nhân sự được chọn theo hệ thống tiêu chí, gửi kết quả đánh giá để cá nhân/ bộ phận có kế hoạch đào tạo và tự đào tạo. TCHC có kế hoạch luân chuyển cán bộ phù hợp với vị trí được qui hoạch.

Chương trình 360 độ feedback: Bổ sung thêm công cụ đánh giá nhân sự hàng năm

Xây dựng các quy trình đánh giá/ kiểm soát nội bộ/ khách phục sau đánh giá hiệu quả (phối hợp các phòng ban), đảm bảo tính tuân thủ cao trong CBCNV và quản trị rủi ro cho Công ty.



6.2. Tiền lương

Triển khai xây dựng khung năng lực cho từng vị trí và đánh giá năng lực mỗi CBCNV hàng năm.

Xây dựng hệ thống lương CBCNV theo phương pháp 3P.

Xây dựng ngân hàng KPI cho toàn bộ các vị trí công việc hiện có.

Xây dựng tiêu chí thưởng linh hoạt theo mục tiêu/ kế hoạch định kỳ tháng/quý/năm cho từng vị trí cụ thể. Đánh giá và thực hiện kịp thời, đảm bảo kích thích tinh thần cống hiến sáng tạo.

7. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp

Xây dựng và phát huy văn hóa DN; Văn hóa DN sẽ là động lực gắn kết và phát triển DN:

- Tổ chức hoạt động team building chủ đề gắn với văn hoá doanh nghiệp Bidiphar, đảm bảo mỗi CBCNV được tham gia 1 hoạt động teambuilding. CBCNV xuất sắc được tham gia teambuilding toàn khối hoặc toàn Công ty.

- Chương trình: “Chúng ta cùng xây dựng Bidiphar”: phối hợp với Đoàn thanh niên triển khai chương trình nhằm tiếp thu ý kiến đóng góp của CBCNV hàng ngày.

- Xây dựng nội hàm, cơ chế giải thưởng cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, sáng tạo gắn với:

+ Phát triển sản phẩm mới/công nghệ mới có hiệu quả;

+ Các ý tưởng/ giải pháp đột phá trong SXKD;

Số hóa các quy trình, nâng cao hiệu quả quản trị theo hướng hiện đại.



Chương 4

Đánh giá của Hội đồng quản trị

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc
- Kế hoạch định hướng của HĐQT



Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021 dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, xuất hiện thêm nhiều chủng mới, làm ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến nhiều ngành kinh tế của Việt Nam, trong đó có ngành dược phẩm, chuỗi cung ứng vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, nguyên liệu tăng giá ... ảnh hưởng nhiều kế hoạch/ hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong giai đoạn đầy khó khăn thách thức, Bidiphar phải thực hiện nhiệm vụ kép vừa đảm bảo chống dịch vừa tăng cường sản xuất kinh doanh nhằm nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao một cách tốt nhất. Ngoài ra Bidiphar luôn đồng hành với địa phương trong công tác phòng chống dịch, luôn sẵn sàng cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư, thiết bị y tế, tiền, nhân lực ... nhằm hỗ trợ tốt nhất công tác phòng chống dịch tại địa phương.

Trong bối cảnh ảnh hưởng bị sản xuất khá lớn từ dịch bệnh, tuy nhiên việc định hướng phát triển phù hợp, Bidiphar mạnh dạn thay đổi, chuyển đổi mô hình cũng như phương thức kinh doanh mới phù hợp tình hình thị trường hiện tại. Đồng bộ với việc thay đổi là đẩy mạnh thực hiện sâu rộng công tác chuyển đổi số trong toàn hệ thống nhằm hỗ trợ tốt nhất trong bối cảnh thay đổi hệ thống và phương thức kinh doanh.

Đội ngũ nhân sự chủ chốt cũng biến động khá nhiều trong năm qua, công ty cũng đã chủ động kiện toàn bằng nhiều giải pháp tuyển dụng mới, đào tạo tại chỗ, tư vấn bên ngoài...

Do ảnh hưởng dịch bệnh kéo dài liên tiếp 02 năm, một số dự án đầu tư xây dựng chậm tiến độ và một số khác chưa thể khởi công, ảnh hưởng khá lớn đến kế hoạch phát triển doanh thu và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.



Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Với bối cảnh kinh doanh năm 2021 rất nhiều khó khăn thử thách, tuy nhiên Ban điều hành cũng đã rất linh hoạt lấy thách thức đó làm cơ hội để chuyển mình thay đổi hệ thống/ phương thức hoạt động phù hợp bối cảnh mới tình hình mới.

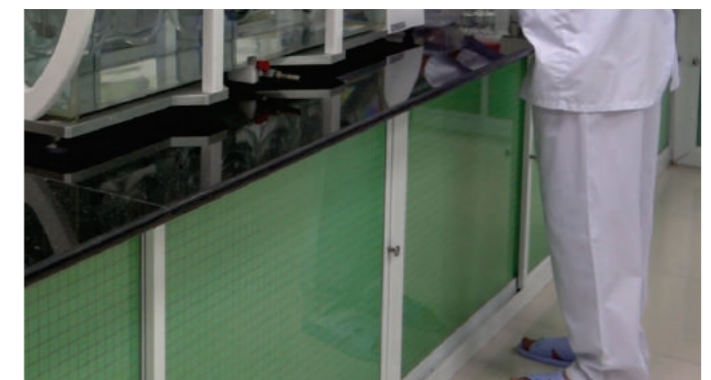
Điều đó đã mang lại những thành quả bước đầu khá ấn tượng trong bước đi xây dựng mới hệ thống quản trị từ mô hình, qui trình cho đến các SOP vận hành. Đặc biệt trong năm 2021, công ty đã xây dựng được hệ thống dữ liệu khách cho kênh bán hàng tự do OTC, tạo điều kiện thay đổi phương thức bán hàng từ bán điểm sang bán phủ, đảm bảo mục tiêu phát triển doanh thu chủ động mang lại tín hiệu mới cho việc phát triển thị trường bền vững.

Công tác chuyển đổi số cũng tạo ra những kết quả khả quan hơn trong quản trị hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong tình hình hoạt động bị ảnh hưởng khá lớn của dịch bệnh. Nội dung Marketing phong phú và có khá nhiều hoạt động truyền thông online giúp cho đội ngũ sale bán hàng hiệu quả, giúp cho thương hiệu/ sản phẩm luôn hiện diện và tạo tính lan tỏa kết nối thường xuyên với khách hàng. Tại tất cả các phòng ban cũng được yêu cầu lựa chọn nội dung phù hợp để thực hiện chuyển đổi số nhằm đạt được tính đồng bộ cao trong quản lý điều hành.

Tách kênh Logistics cũng tạo ra sự thay đổi khá lớn về phương pháp và nội dung thực hiện cung ứng, hỗ trợ sale và cũng là kênh tiếp cận trực tiếp khách hàng. Tính hiệu quả thể hiện rõ ràng hơn về sự chuyên nghiệp của kênh việc dự trữ và kế hoạch cung ứng với mục tiêu đồng bộ giữa tính kịp thời đầy đủ và tiết kiệm chi phí lưu trữ, tồn kho.

Từng bước kiện toàn hệ thống các vị trí nhân sự chủ chốt toàn công ty nhằm tạo ra đội ngũ nhân sự phát huy tính hiệu quả công việc của phòng ban/nhóm, kích thích sự sáng tạo, đổi mới ... và tham mưu hiệu quả cho Ban điều hành tại tất cả các lĩnh vực hoạt động của công ty.

Với kết quả cụ thể các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và một số giải pháp thay đổi hệ thống quản trị phù hợp thị trường hiện tại, HĐQT đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành trong năm 2021, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất của ĐHCĐ đề ra và cao hơn là tạo ra tiền đề, bước đi cơ bản chuyển tiếp cho hoạt động kinh doanh các năm sắp tới.



Định hướng hoạt động năm 2022

- ✓ Hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển công ty 05 năm giai đoạn 2022-2026.
- ✓ Khởi công xây dựng nhà máy Non Beta lactam đạt tiêu chuẩn GMP-EU.
- ✓ Triển khai đánh giá, cấp chứng nhận GMP WHO dây chuyền thuốc viên điều trị ung thư tại Chi nhánh Nhơn Hội vào quý 3/2022.
- ✓ Triển khai các bước tiếp cận để nộp hồ sơ đăng ký, chứng nhận GMP-EU cho nhà máy thuốc điều trị ung thư.
- ✓ Tiếp tục phát triển khách hàng, thị phần một cách bền vững thông qua việc thay đổi chiến lược phân phối, chăm sóc khách hàng; đẩy mạnh hoạt động truyền thông xây dựng thương hiệu.
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị sản xuất kinh doanh theo hướng hiện đại.
- ✓ Số hóa các quy trình hoạt động.
- ✓ Đổi mới hoạt động quản trị nhân lực, tạo môi trường làm việc minh bạch, thân thiện và công bằng; khuyến khích CBCNV phát huy năng lực, trí tuệ, sáng tạo xây dựng công ty.





Chương 5

Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị (HĐQT)
- Ủy ban kiểm toán (UBKT)
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và UBKT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT/ không điều hành	12	100%	
2	Ông Tạ Nam Bình	Phó Chủ tịch HĐQT/ TV HĐQT độc lập/ không điều hành	12	100%	
3	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT điều hành/ Tổng Giám đốc	9	100%	Bổ nhiệm ngày 17/04/2021
4	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT điều hành/ Phó TGD	12	100%	
5	Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	12	100%	
6	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT không điều hành	9	100%	Bổ nhiệm ngày 17/04/2021
7	Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành	12	100%	
8	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT điều hành	3	100%	Miễn nhiệm ngày 17/04/2021
9	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành	3	100%	Miễn nhiệm ngày 17/04/2021



Ông NGUYỄN VĂN QUÁ - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	02/02/1961
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế công nghiệp
Quá trình công tác:	
05/1983 - 12/1989	Công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
01/1990 - 05/1995	Phó Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định
06/1995 - 11/2006	Phó Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
12/2006 - 2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
01/2009 - 2010	Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
2010 - 02/2014	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014 - 20/04/2019	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
02/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan
20/04/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	518.204 cổ phiếu tương ứng 0,90% vốn điều lệ

Ông TẠ NAM BÌNH - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	29/11/1975
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
1997 – 2007	Công tác tại Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh
2007 – nay	Phó Tổng Giám đốc – Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bệnh viện Phụ sản MêKông
2012 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tân Sơn – Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
04/2018 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng 47
11/2018 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ
20/04/2019 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông HOÀNG VĂN THẮNG - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	05/10/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Định giá – Môi giới bất động sản; Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	
2001 – 2004	Phụ trách Kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty YBS HongKong
2004 – 2007	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Du lịch Tràm Việt
2007 – 2014	Phụ trách Phòng Đầu tư tài chính Ngân hàng TMCP Nam Á
2014 – 2016	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất giấy Nam Long
2016 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
20/04/2019 – nay	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu



Ông NGUYỄN TIẾN HẢI - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	19/06/1972
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành Thuế
Quá trình công tác:	
07/1994	Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH Thương mại Hải Đăng
01/2000 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kim Tín
20/04/2019 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Ông ĐẠU MINH LÂM - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	25/10/1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác:	
Từ 11/2001 – 7/2018	Làm việc tại Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam/Tập đoàn Bảo Việt – Công ty quản lý quỹ Bảo Việt
Từ 11/2007-12/2014	Phó Tổng Giám đốc - Công ty quản lý quỹ Bảo Việt
Từ 4/2015 – 1/2017	Tổng Giám đốc - Công ty quản lý quỹ Bảo Việt
Từ 4/2016 – 8/2018	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt
Từ 12/2014 – 6/2018	Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt – Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ Bảo Việt
Từ 3/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cầu đường bộ Hải dương
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Bà Phạm Thị Thanh Hương: Tại danh sách BDH

Ông Nguyễn Thanh Giang: Tại danh sách BDH



Hội đồng quản trị (tiếp theo)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Tiểu ban Chiến lược xây dựng phát triển

Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu: tăng năng suất lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao tiêu chuẩn nhà máy; cải tiến sản phẩm; nghiên cứu sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt, hàm lượng khoa học kỹ thuật cao; Tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp; quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.

Tiểu ban Nhân sự và tiền lương

Tư vấn, đề xuất HĐQT về Quy chế chi trả lương, thưởng;
Tư vấn, đề xuất HĐQT về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.

Tiểu ban Phát triển thị trường

Tư vấn cho Lãnh đạo xây dựng các chính sách phát triển thị trường ở trong và ngoài tỉnh;
Đề xuất các phương án phát triển thị trường theo đặc thù riêng từng địa bàn phù hợp với mục tiêu Công ty ở từng thời điểm.



SỐ NGHỊ QUYẾT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	42/QĐ-HĐQT	04/01/2021	Quyết định miễn nhiệm chức danh trưởng ban kiểm toán nội bộ Ông Hoàng Văn Thắng
2	43/QĐ-HĐQT	04/01/2021	Quyết định thôi giao nhiệm vụ chuyên viên kiểm toán cho Ông Lê Trung Nam
3	44/QĐ-HĐQT	04/01/2021	Quyết định bổ nhiệm trưởng ban kiểm toán nội bộ Ông Tạ Nam Bình
4	45/QĐ-HĐQT	04/01/2021	Quyết định bổ nhiệm phó trưởng ban KTNB Ông Lê Hoàng Hiền
5	223/NQ-HĐQT	22/02/2021	Đăng ký cuối cùng để thực hiện tham dự đại hội đồng cổ đông 2021 và nhận tạm ứng cổ tức năm 2020
6	301/BC-HĐQT	26/03/2021	BC đánh giá kết quả hoạt động SX KD năm 2020KH SX KD năm 2021 Tài liệu/ các tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
7	436/QĐ-HĐQT	20/04/2021	Quyết định miễn nhiệm chức danh Trưởng ban KSNB Ông Tạ Nam Bình
8	437/QĐ-HĐQT	20/04/2021	Quyết định thành lập UBKT trực thuộc HĐQT Công ty
9	438/QĐ-HĐQT	20/04/2021	Quyết định bổ nhiệm Trưởng ban KTNB
10	457/QĐ-HĐQT	27/04/2021	Quyết định thành lập tiểu ban Xây dựng chiến lược phát triển
11	458/QĐ-HĐQT	27/04/2021	Quyết định thành lập tiểu ban phát triển thị trường
12	459/QĐ-HĐQT	27/04/2021	Quyết định thành lập tiểu ban nhân sự và tiền lương
13	470/NQ-HĐQT	04/05/2021	Nghị quyết triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức 2020
14	524/NQ-HĐQT	24/05/2021	Nghị quyết chốt sanh sách cổ đông thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020
15	631/NQ-HĐQT	21/06/2021	Nghị quyết lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
16	642/NQ-HĐQT	23/06/2021	Nghị quyết thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để chia cổ tức 2020
17	951/NQ-DBD	23/09/2021	Nghị quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành
18	1320/NQ-DBD	20/12/2021	Nghị quyết tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức 2021
19	1405/QĐ-HĐQT	28/12/2021	Quyết định bổ nhiệm PTGD Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh



DANH SÁCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Tạ Nam Bình	Trưởng ban	6	100%	
2	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	6	100%	
3	Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên	6	100%	

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Tạ Nam Bình: Tại danh sách HĐQT

Ông Đậu Minh Lâm: Tại danh sách HĐQT

Ông Hoàng Văn Thắng: Tại danh sách HĐQT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Căn cứ quy định của pháp luật và đảm bảo tính tuân thủ, HĐQT đã thông qua:

- Bổ nhiệm thành viên độc lập HĐQT vào làm thành viên UBKT (Quyết định số 437/QĐ-HĐQT2021 ngày 20/04/2021). Trong đó, UBKT gồm 03 thành viên HĐQT, trong đó có 02 TV HĐQT độc lập.
- Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán phù hợp với các quy định pháp luật (Quy chế được ban hành kèm theo Nghị quyết số: 608/NQ-HĐQT ngày 13/06/2021).
- Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ (Nghị quyết số: 609/NQ-HĐQT ngày 13/06/2021) làm cơ sở cho hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ tại Bidiphar.

CÁC CUỘC HỌP, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA UBKT

- UBKT đã tham mưu cho HĐQT trong việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ ("KTNB") và kiện toàn nhân sự Ban KTNB.
- UBKT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý định hướng, tham vấn, giám sát cho Ban KTNB trong việc thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại Bidiphar. UBKT đã tham vấn cho Ban KTNB về Kế hoạch KTNB năm 2021 và 2022, chương trình hành động và các vấn đề chuyên môn khác.
- Các kết luận và khuyến nghị của UBKT (trên cơ sở các kết quả kiểm toán cụ thể của Ban KTNB) đã được gửi tới HĐQT và Ban điều hành để xem xét triển khai thực hiện, đồng thời có giải pháp hạn chế rủi ro.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA UBKT VÀ HĐQT, TGD

UBKT chủ động phối hợp với HĐQT, TGD trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong đó tuân thủ theo quy định tại quy chế UBKT đã được ban hành.

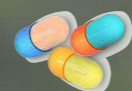
THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA UBKT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN UBKT

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Bidiphar. Thông tin chi tiết được trình bày tại Báo cáo tài chính của Bidiphar cho năm 2021.





*Báo cáo
phát triển bền vững*



THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bidiphar nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sản xuất kinh doanh đối với cộng đồng, xã hội, môi trường vì thế công ty luôn tuân thủ và đặt ra các định hướng phát triển bền vững gắn liền với các hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, là một Công ty ngành dược phẩm, Bidiphar thấu hiểu và chia sẻ khó khăn với mọi người bằng những hoạt động cộng đồng thiết thực trên các địa bàn hoạt động của Công ty.

Khẩu hiệu **“Chăm sóc sức khỏe – Chia sẻ niềm vui”** luôn được tuyên truyền đến từng cán bộ công nhân viên, từng bộ phận Công ty. Hoạt động giúp đỡ cộng đồng luôn được duy trì và nâng cao phát triển qua các năm đều có những tác động tích cực đến xã hội, môi trường sống. Hiểu rõ được tầm quan trọng của phát triển bền vững, Bidiphar xây dựng báo cáo dựa trên các định hướng, tiêu chí phát triển xã hội qua các hoạt động cụ thể của Công ty trong đó bao hàm các nội dung chính: Tăng trưởng kinh tế bền vững, đảm bảo trách nhiệm xã hội và cam kết bảo vệ môi trường.



“**CHĂM SÓC SỨC KHOẺ**
CHIA SẺ NIỀM VUI”

Nhằm nâng cao hơn nữa uy tín, thương hiệu trên thị trường ngành dược phẩm trong nước và quốc tế. Đồng thời với bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Năm 2021, Bidiphar đã chủ động nhiều hoạt động liên quan đến hoạt động quản trị công ty như là: Đầu tư thiết bị máy móc, phần mềm quản trị doanh nghiệp, xây dựng và phát triển văn hóa trong doanh nghiệp,... để tạo môi trường làm việc an toàn, thuận lợi, để nâng cao hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, các hoạt động phong trào, thực hành tiết kiệm luôn được nêu cao tin thần trong công ty.

Bidiphar luôn kết nối hoạt động với công ty thành viên và các chi nhánh như một thể thống nhất nhằm thực hiện chính sách phát triển bền vững một cách nhất quán và toàn diện. Cho dù mỗi công ty có những địa hoạt động khác nhau thì khi hợp nhất ở chung một mái nhà, hoạt động của của từng công ty đều đại diện cho quan điểm và ý chí của cả Bidiphar hướng tới sự phát triển bền vững.

Những thành tựu 2021 của Bidiphar được điểm qua dưới đây có thể là chưa đủ, và cũng có thể là chưa hoàn hảo để nhận được những đánh giá cao nhất, nhưng đó là tâm huyết và nỗ lực của gần 1000 cán bộ, công nhân viên trong Công ty, và chúng tôi sẽ nỗ lực hơn nữa trong thời gian sắp tới để thực hiện được tầm nhìn, sứ mệnh và sự trường tồn.



Tăng trưởng kinh tế bền vững

Hệ thống quản trị doanh nghiệp có vai trò trọng yếu để thúc đẩy tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, duy trì sự bền vững góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông, cân bằng với các vấn đề môi trường, xã hội và lợi ích các bên liên quan khác. Không chỉ quản trị hoạt động sản xuất, kinh doanh, hướng tới tăng trưởng và lợi nhuận, Bidiphar còn nhất quán việc quản trị bài bản cho các vấn đề môi trường xã hội, các vấn đề phi tài chính nhằm thiết lập nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài. Chủ động quản trị chuyên nghiệp các vấn đề môi trường xã hội, Bidiphar đã ban hành và triển khai định hướng phát triển áp dụng ở tất cả các công ty, chi nhánh để đánh giá môi trường xã hội thường xuyên.

Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt quy chế dân chủ, quán triệt công tác học và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Trong năm qua, Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước. Nội bộ đoàn kết tốt, tạo nên khối thống nhất hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong SXKD; cán bộ, công nhân trong công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.



Định hướng phát triển bền vững

Bidiphar xác định rằng Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: Cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

Cam kết bảo vệ môi trường

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ các quy định chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trách nhiệm với xã hội

Công ty tạo việc làm ổn định cho người lao động;

Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành dược phẩm;

Nâng cao sức khỏe bảo vệ cộng đồng;

Tăng cường quản trị an ninh tại khu vực hoạt động;

Thúc đẩy phát triển và trao quyền cho thế hệ trẻ ngành dược phẩm;

Hỗ trợ cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống.

Ban Tổng giám đốc phối hợp với Công đoàn đã xây dựng thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo Nghị định 149/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong doanh nghiệp đồng thời ban hành quy chế, quy định nội bộ liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động. Thực hiện tốt công tác thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể theo Bộ luật Lao động sửa đổi; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp.

Trong thực thi nhiệm vụ, lãnh đạo luôn tin tưởng, tạo điều kiện để các cán bộ chuyên môn phát huy khả năng của mình trong lĩnh vực công tác được phân công. Công ty cũng đã xây dựng hệ thống các vị trí công việc gắn với chức năng nhiệm vụ cụ thể. Nhờ vậy, hầu hết CBCNV từ quản lý tới công nhân đều làm việc với tinh thần tự giác trong môi trường làm việc hòa thuận, bình đẳng.

Quán triệt toàn thể cán bộ, công nhân viên về việc Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh, qua đó diễn biến về nhận thức của cán bộ, công nhân viên lao động trong toàn đơn vị được thể hiện tốt trong lao động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí góp phần đem lại hiệu quả cao. Công tác thực hành tiết kiệm được coi trọng hàng đầu trong toàn đơn vị, luật phòng chống tham nhũng được triển khai quán triệt sâu rộng trong toàn thể cán bộ, công nhân viên. Do đó, trong những năm qua không xảy ra tham ô, mất mát tài sản.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tỉ lệ đáp ứng NVL phục vụ sản xuất và nghiên cứu:

Sản xuất: Đáp ứng 100%

Kiểm nghiệm (hóa chất, chất chuẩn): 97%

Nghiên cứu sản phẩm (nguyên vật liệu mới): 83%

Bidiphar luôn chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Phát động phong trào và được sự hưởng ứng của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong công tác, thực hành tiết kiệm chống lãng phí với mục tiêu giảm 10% chi phí quản lý mỗi năm theo chỉ đạo của Chính phủ. Các phòng ban, phân xưởng đã xây dựng các mục tiêu nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất và đã thực hiện một cách có hiệu quả như mục tiêu giảm tỷ lệ hao hụt sản phẩm trong các dây chuyền sản xuất từ 5-10% mỗi năm, mục tiêu tiết kiệm 10% chi phí sử dụng điện nước...

Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả. Bên cạnh đó, những cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên Bidiphar luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu bền vững của Công ty.



TIÊU THỤ NƯỚC

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và đô thị. Tại các thành phố lớn, lượng nước thải chưa qua xử lý của hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nguồn nước. Ở khu vực nông thôn, tình trạng ô nhiễm nguồn nước cũng không ngừng gia tăng. Để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường, Bidiphar luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước.

Bidiphar phối hợp với các đơn vị chuyên trách tiến hành kiểm tra đo đạc các chỉ số về nước thải, chất thải, khí thải, tiếng ồn,... để đảm bảo sự an toàn về môi trường làm việc cũng như xử lý nước xả thải ra môi trường bên ngoài.

Công ty luôn đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời đối với các sự cố tác động đến môi trường trong những trường hợp cấp bách. Đồng thời, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ nghiêm các quy định liên quan đến phát triển bền vững trong toàn hệ thống Bidiphar, đặc biệt là các quy định về bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động.

Công ty hài hòa giữa mục tiêu sản xuất kinh doanh với các mục tiêu bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng công nghệ mới an toàn sức khỏe cho người lao động và góp phần bảo vệ môi trường.



Chính sách đào tạo

Trong năm đã tổ chức cho 1.650 lượt người tham gia 48 lớp đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài, với kinh phí trên 400 triệu đồng;

Năm 2019 đặc biệt chú trọng đào tạo cho Khối bán hàng trên cả nước với 17 lớp đào tạo bao gồm kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng, chiến lược bán hàng, quy trình đấu thầu, văn hóa doanh nghiệp... nhằm nâng cao kỹ năng của đội ngũ bán hàng và marketing sản phẩm.

Môi trường làm việc

Xây dựng chương trình kế hoạch kinh phí và tổ chức triển khai quán triệt đến toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty để biết thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

Công ty đã xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban chấp hành (BCH) Công đoàn cơ sở và lãnh đạo Công ty trên cơ sở đó đề xuất thành lập Hội đồng bảo hiểm lao động (BHLĐ) và công nhận Mạng lưới an toàn vệ sinh viên (ATVSV) trong Công ty; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng;

Mạng lưới an toàn vệ sinh viên trong Công ty đã hoạt động mang lại hiệu quả tích cực. Quy định rõ chế độ trách nhiệm đối với từng cấp bậc, từng chức danh quản lý và các nội quy, quy trình, biện pháp làm việc an toàn đối với từng loại máy móc, thiết bị, công việc.

Đặc biệt là thi đua lập thành tích trong phong trào xây dựng môi trường làm việc “Xanh – Sạch – Đẹp”, xây dựng

đời sống văn hóa cơ sở. Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động trong toàn Công ty.

Trong công tác an ninh trật tự, Công ty luôn chú trọng đặc biệt đến công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy (PCCC), bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa (XHGN) trong mọi tình huống. Thường xuyên giáo dục ý thức cảnh giác chống mọi thủ đoạn phá hoại của địch, và bọn trộm cắp.

Lực lượng làm công tác bảo vệ, PCCC ngày thường cũng như các dịp nghỉ lễ, tết túc trực thường xuyên 24/24h. Phương án tác chiến cùng với lực lượng công an địa bàn xây dựng phương án phối hợp tác chiến khi có sự cố xảy ra nhằm bảo vệ tốt tài sản của công ty.

Nhờ vậy, từ trước đến nay không xảy ra mất tài sản hoặc mất an toàn trị an. Công ty được tỉnh tặng nhiều bằng khen về công tác PCCC và bằng khen về thành tích trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.

Trách nhiệm vì cộng đồng

Bidiphar tham gia tài trợ và giới thiệu sản phẩm thuốc điều trị ung thư với Hội thảo Quốc gia phòng chống ung thư lần thứ 9 tại Bệnh viện K Hà Nội, bệnh viện Ung Bướu TP.HCM, bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng, bệnh viện Ung Bướu TP. Cần Thơ,... thu hút nhiều bác sĩ, đại biểu các đơn vị ghé thăm gian hàng nhằm tuyên truyền, nâng cao phòng và chữa bệnh ung thư tốt nhất cho cộng đồng.

Phối hợp Sở Tài chính Bình Định tổ chức Lễ kết nghĩa và trao 86 suất quà cho đồng bào Thôn 10, Xã Đắkmang, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Đoàn thanh niên Bidiphar đang nhận đỡ đầu cho cháu Nguyễn Vũ Ngọc Hòa, sinh ngày 24/08/2006, học sinh lớp 7 trường THCS Ngô Mây, hiện tại đang ở nhà trọ tại tổ 6 khu vực 8, phường Ngô Mây, tỉnh Bình Định có mẹ đang mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối. Thời gian nhận

đỡ đầu: Từ tháng 01/2019 đến tháng 08/2024. Mức hỗ trợ: 300.000 đ/tháng; ngoài ra trong dịp lễ tết, đơn vị còn tổ chức thăm và tặng quà hỗ trợ gia đình cháu.

Tham gia các hoạt động xã hội khác:

- Ủng hộ Hội bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định;
- Chương trình “Tết sum vầy” do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức;
- Ủng hộ quỹ “Mái ấm Công đoàn”, “Quỹ vì người nghèo”;
- Triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.



HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG BỘ

Đảng bộ Công ty đã lãnh đạo tốt việc triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội công nhân viên chức hàng năm. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức năm 2021 đều tăng đáng kể. Thực hiện tốt các mục tiêu cổ phần hóa, đảm bảo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Thực hiện đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ sâu rộng trong toàn đơn vị. Không để xảy ra đơn thư khiếu nại tố cáo, không có vi phạm pháp luật, không xảy ra tai nạn lao động nào.

Năm 2021 Đảng bộ Công ty được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 100% đảng viên đạt đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN

Ban Chấp hành Công đoàn thường xuyên chỉ đạo các cấp công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển tổ chức công đoàn và đoàn viên, làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và CNV lao động. Không để xảy ra tình trạng biếng lười, lãng phí, đơn thư khiếu kiện.

Trong năm 2021, Công đoàn Công ty được xếp loại Vững mạnh.



Chương 7

Báo cáo tài chính



- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo KQHĐKD
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch
Ông Tạ Nam Bình	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên độc lập
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021)
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021)
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Deloitte.

Số: 0375/VN1A-HC-BC



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555
Fax : +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một công ty kiểm toán độc lập khác kiểm toán, với báo cáo kiểm toán đề ngày 27 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 21 tháng 3 năm 2022
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Văn Đặng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4142-2022-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		948.196.601.158	835.845.735.803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.271.018.408	108.728.714.710
1. Tiền	111		32.271.018.408	35.184.670.629
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	73.544.044.081
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		139.201.393.300	93.341.393.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	139.200.000.000	93.340.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		478.908.909.671	412.701.507.581
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	496.564.408.325	412.783.280.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	41.540.322.102	37.671.562.044
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.039.801.808	3.253.106.017
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(63.235.622.564)	(41.006.440.690)
IV. Hàng tồn kho	140	10	254.083.883.236	214.908.006.156
1. Hàng tồn kho	141		254.083.883.236	214.908.006.156
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.731.396.543	6.166.114.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.569.826.623	4.452.982.740
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		425.576.515	949.757.596
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	2.735.993.405	763.373.720
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		611.321.385.870	601.563.700.920
I. Tài sản cố định	220		247.085.337.515	248.622.561.429
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	186.673.965.066	186.891.077.587
- Nguyên giá	222		579.023.885.752	540.883.518.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(392.349.920.686)	(353.992.441.324)
2. Tài sản vô hình	227	13	60.411.372.449	61.731.483.842
- Nguyên giá	228		72.260.262.950	71.308.272.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.848.890.501)	(9.576.789.108)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		184.387.358.777	170.577.851.449
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	184.387.358.777	170.577.851.449
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		140.101.133.544	141.603.573.301
1. Đầu tư vào công ty liên liên kết	252	15	136.587.598.573	138.090.038.330
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	3.513.534.971	3.513.534.971
IV. Tài sản dài hạn khác	260		39.747.556.034	40.759.714.741
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	36.862.759.625	40.666.420.799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.884.796.409	93.293.942
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.559.517.987.028	1.437.409.436.723

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		418.969.098.170	448.783.906.493
I. Nợ ngắn hạn	310		286.965.689.966	347.872.343.671
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	96.813.029.616	102.652.153.209
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	10.607.673.157	28.952.275.235
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	15.446.650.468	18.476.040.388
4. Phải trả người lao động	314		36.674.211.956	36.378.113.056
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	39.851.299.400	14.263.543.542
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	6.325.686.892	80.971.909.204
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	21.029.471.060	20.094.668.665
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	60.217.667.417	46.083.640.372
II. Nợ dài hạn	330		132.003.408.204	100.911.562.822
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	76.000.000.000	62.725.647.917
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		6.911.660.000	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	49.091.748.204	38.185.914.905
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.140.548.888.858	988.625.530.230
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	1.131.680.288.944	972.328.801.871
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576.124.440.000	523.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576.124.440.000	523.790.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.921.442.000	20.921.442.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.952.796.558)	(1.952.796.558)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.592.658.671)	(741.886.627)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		122.907.771.336	103.995.413.492
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		416.272.090.837	326.316.629.564
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		272.538.171.218	281.754.669.008
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		143.733.919.619	44.561.960.556
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	26	8.868.599.914	16.296.728.359
1. Nguồn kinh phí	431		3.161.750.775	12.468.410.765
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		5.706.849.139	3.828.317.594
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.559.517.987.028	1.437.409.436.723

Phạm Thị Thanh May
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.634.683.825.343	1.329.775.162.011
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		76.179.492.060	72.822.790.468
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	1.558.504.333.283	1.256.952.371.543
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	935.938.713.151	765.813.093.618
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		622.565.620.132	491.139.277.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	6.320.183.853	7.751.782.188
7. Chi phí tài chính	22	33	8.647.017.046	14.325.530.898
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.324.527.353	6.588.854.737
8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	24	15	16.083.128.633	15.238.404.243
9. Chi phí bán hàng	25	34	278.389.055.175	220.855.128.023
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	127.048.044.656	88.501.075.564
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		230.884.815.741	190.447.729.871
12. Thu nhập khác	31		1.869.685.717	2.873.418.777
13. Chi phí khác	32		306.601.568	129.833.251
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.563.084.149	2.743.585.526
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		232.447.899.890	193.191.315.397
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	46.115.823.912	35.316.611.783
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(2.791.502.467)	15.138.798
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		189.123.578.445	157.859.564.816
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		189.123.578.445	157.859.564.816
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.825	2.411

Phạm Thị Thanh May
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	232.447.899.890	193.191.315.397
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	38.688.997.348	31.808.990.530
Các khoản dự phòng (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	29.140.841.874	14.288.446.894
Lãi từ hoạt động đầu tư	04	(90.528.131)	695.213.574
Chi phí lãi vay	05	(5.487.812.258)	(24.246.804.958)
Các khoản điều chỉnh khác	06	1.324.527.353	6.588.854.737
07	07	15.000.000.000	14.646.581
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	311.023.926.076	222.340.662.755
Thay đổi các khoản phải thu	09	(85.345.550.651)	29.325.193.930
Thay đổi hàng tồn kho	10	(39.175.877.080)	98.059.353.512
Thay đổi các khoản phải trả	11	(5.682.730.725)	(71.593.351.248)
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.686.817.291	(1.402.409.256)
Tiền lãi vay đã trả	14	(869.424.607)	(5.913.972.088)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(52.859.475.560)	(44.512.938.286)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.951.212.669	3.046.241.386
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.161.175.027)	(16.441.270.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	117.567.722.386	212.907.510.513
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(54.635.588.490)	(59.734.319.658)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	999.999	4.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(139.201.393.300)	(49.021.916.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	93.341.393.300	80.340.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	13.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.267.861.171	9.273.360.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(95.226.727.320)	(2.142.875.451)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	32	-	(1.951.918.558)
2. Tiền thu từ đi vay	33	50.916.205.627	241.183.751.448
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.162.153.895)	(400.882.404.446)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(75.552.743.100)	(78.547.526.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(61.798.691.368)	(240.198.097.731)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(39.457.696.302)	(29.433.462.669)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	108.728.714.710	138.162.177.379
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	69.271.018.408	108.728.714.710

Phạm Thị Thanh May
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH Một Thành viên sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100259564 sửa đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 ngày 06 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"), với mã chứng khoán DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.181 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.174).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con, công ty liên kết và các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con					
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bidiphar	Tỉnh Bình Định	30.000.000.000	100	100	Bán buôn và bán lẻ thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	212.800.000.000	33,58	33,58	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su

Công ty mẹ có trụ sở chính đăng ký tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 18 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 17 chi nhánh).

Sự kiện quan trọng trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp và/hoặc gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Công ty trong năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát ("Công ty con") được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.



Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của công ty liên kết tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	02 - 25
Máy móc và thiết bị	01 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06

Trong năm, thực hiện theo định hướng của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định về quy hoạch Thành phố Quy Nhơn trong thời gian tới, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số tài sản là nhà xưởng, vật kiến trúc tại địa chỉ 498 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn (nơi đặt trụ sở và nhà máy của Công ty). Theo đó, các tài sản này sẽ kết thúc khấu hao khi kết thúc hợp đồng thuê đất hiện hữu vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ảnh hưởng của việc thay đổi này được trình bày tại Thuyết minh số 12.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 - 8 năm.

C. T. P.
T. B. H.
B. H. P.

1254
NH
TNH
PTE
AM
5 CH



Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản, tiền thuê nhà, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

Chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Công ty trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Công ty và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

T.P.Đ. N.Đ. N.Đ. N.Đ. N.Đ.

CHI CÔNG ĐE I VIỆ

002 CỘT CỘT TẾ (B) UY I

001 NHẢY TỶ OIT I N 5 H C



Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích từ lợi nhuận trước thuế theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016, để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng theo Quyết định số 01/CTDĐTBYT ngày 01 tháng 01 năm 2009 khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	463.291.501	473.110.676
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.807.726.907	34.711.559.953
Các khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	73.544.044.081
	69.271.018.408	108.728.714.710

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ một tháng đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,2%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến một năm tại các ngân hàng thương mại trong nước và hưởng lãi suất cố định từ 3,7%/năm đến 4,6%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	45.131.856.249	45.131.856.249
Khác	451.432.552.076	367.651.423.961
	496.564.408.325	412.783.280.210

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CBF Coffee	13.899.426.147	13.899.426.147
Shandong Sma Pharmatech Co., Ltd.	12.909.300.000	12.909.300.000
Khác	14.731.595.955	10.862.835.897
	41.540.322.102	37.671.562.044

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng mua hàng hoá và dịch vụ	1.845.069.796	541.934.183
Ký quỹ, ký cược	168.834.249	266.611.402
Lãi dự thu	977.903.562	1.108.284.760
Các khoản phải thu khác	1.047.994.201	1.336.275.672
	4.039.801.808	3.253.106.017

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Số cuối năm			
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	46.986.723.841	(46.757.647.441)	229.076.400
Công ty CBF Coffee	2.048.372.348	(2.048.372.348)	-
Các khách hàng khác	17.874.597.659	(14.429.602.775)	3.444.994.884
	66.909.693.848	(63.235.622.564)	3.674.071.284
Số đầu năm			
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	46.986.723.841	(32.519.733.170)	14.466.990.671
Công ty CBF Coffee	2.048.372.348	(2.048.372.348)	-
Các khách hàng khác	13.034.666.114	(6.438.335.172)	6.596.330.942
	62.069.762.303	(41.006.440.690)	21.063.321.613

1956
CỔ PHẦN
ANG TH
JINH F
DIPHA
HON-T

1250
NH
TNHH
TE
AM
CHỈ

M.S.D.N: 410
C
C
DUỐC
Y TẾ
BÌNH
QUY

M.S.C.A
C
I
THAI



10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường	12.741.429.701	9.798.275.904
Nguyên liệu, vật liệu	149.185.327.886	113.122.886.925
Công cụ, dụng cụ	546.846.319	379.157.794
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.664.963.415	9.661.646.361
Thành phẩm	73.038.508.519	68.550.428.481
Hàng hoá	14.906.807.396	13.395.610.691
	254.083.883.236	214.908.006.156

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần lập dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.173.676.496	1.993.262.664
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.547.378.118	1.550.738.625
Chi phí thuê văn phòng, thuê đất	229.572.503	466.501.955
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	619.199.506	442.479.496
	3.569.826.623	4.452.982.740
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất (*)	32.193.244.288	33.535.522.120
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.780.087.474	1.669.074.834
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.654.029.286	3.933.447.574
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.235.398.577	1.528.376.271
	36.862.759.625	40.666.420.799

(*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội với thời hạn thuê đến ngày 17 tháng 6 năm 2066 và đến ngày 31 tháng 7 năm 2069.

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	159.928.194.936	324.794.695.804	41.740.034.719	14.420.593.452	540.883.518.911
Tăng trong năm	-	4.600.564.000	705.680.909	173.672.727	5.479.917.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	150.777.900	30.831.039.736	3.044.333.318	2.566.850.000	36.593.000.954
Thanh lý, nhượng bán	(916.480.000)	(2.322.798.096)	(384.128.200)	(309.145.453)	(3.932.551.749)
Số dư cuối năm	159.162.492.836	357.903.501.444	45.105.920.746	16.851.970.726	579.023.885.752
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	81.609.207.248	230.887.608.621	29.856.993.135	11.638.632.320	353.992.441.324
Khấu hao trong năm	13.590.441.930	23.290.255.102	3.766.783.329	1.642.550.750	42.290.031.111
Thanh lý, nhượng bán	(916.480.000)	(2.322.798.096)	(384.128.200)	(309.145.453)	(3.932.551.749)
Số dư cuối năm	94.283.169.178	251.855.065.627	33.239.648.264	12.972.037.617	392.349.920.686
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	78.318.987.688	93.907.087.183	11.883.041.584	2.781.961.132	186.891.077.587
Tại ngày cuối năm	64.879.323.658	106.048.435.817	11.866.272.482	3.879.933.109	186.673.965.066

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 211.443.110.069 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 195.169.002.744 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, trong năm, Ban Tổng Giám Đốc đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản là nhà xưởng, vật kiến trúc tại địa chỉ 498 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn (nơi đặt trụ sở và nhà máy của Công ty) bằng thời hạn kết thúc hợp đồng thuê đất hiện hữu. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao là phù hợp với thời hạn còn lại của hợp đồng thuê đất và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Nếu thời gian khấu hao các tài sản nêu trên được ghi nhận như năm trước, chi phí khấu hao sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ tăng với cùng số tiền là 6.432.105.157 đồng.

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	56.767.881.650	14.540.391.300	71.308.272.950
Tăng trong năm	-	60.000.000	60.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	891.990.000	891.990.000
Số dư cuối năm	56.767.881.650	15.492.381.300	72.260.262.950
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.018.227.018	7.558.562.090	9.576.789.108
Khấu hao trong năm	228.189.055	2.043.912.338	2.272.101.393
Số dư cuối năm	2.246.416.073	9.602.474.428	11.848.890.501
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	54.749.654.632	6.981.829.210	61.731.483.842
Tại ngày cuối năm	54.521.465.576	5.889.906.873	60.411.372.449

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 148.289.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 148.289.500 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà máy sản xuất dược công nghệ cao	154.862.984.244	163.498.551.514
Dự án trồng cây dược liệu	3.145.381.267	3.893.307.144
Văn phòng làm việc Chi nhánh Hồ Chí Minh	24.800.000.000	-
Khác	1.578.993.266	3.185.992.791
	184.387.358.777	170.577.851.449

Trong năm, Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 5.836.957.000 VND (năm trước: 4.594.252.000 VND) vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ vay dài hạn để tài trợ vốn cho việc xây dựng Nhà máy sản xuất dược công nghệ cao.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá gốc khoản đầu tư	92.868.048.000	92.868.048.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	59.861.100.617	55.646.615.347
Cổ tức được chia trong năm	(14.290.778.000)	(10.718.083.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.850.772.044)	293.458.483
	136.587.598.573	138.090.038.330

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	525.336.582.195	497.707.855.927
Tổng công nợ	(118.558.994.908)	(86.455.786.143)
Tài sản thuần	406.777.587.287	411.252.069.784
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết	136.587.598.573	138.090.038.330

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trong năm	47.897.878.941	45.382.167.758
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết trong năm	16.083.128.633	15.238.404.243

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu	Số đầu năm và cuối năm	
			Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	1,29	205.710	1.513.534.971	-
Công ty TNHH Thiên Phúc	10,00	200.000	2.000.000.000	-
			3.513.534.971	-

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty đánh giá không có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên do các công ty này đều có lợi nhuận lũy kế nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	-	2.919.438.889
Truking Technology Limited	7.168.161.531	19.074.105.042
Khác	89.644.868.085	80.658.609.278
	96.813.029.616	102.652.153.209

Tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn Công ty đều có khả năng thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sundial Pharma	2.830.049.873	2.622.547.350
Công ty Cổ phần Dược VP-PHARM	937.647.600	1.302.959.210
Công ty Cổ phần Dược phẩm DMAX Việt Nam	-	1.592.850.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Trà Vinh	-	17.632.520.000
Khác	6.839.975.684	5.801.398.675
	10.607.673.157	28.952.275.235

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	440.414.676	17.352.333.020	15.347.147.279	2.445.600.417
+ Phải nộp	460.973.412	17.331.774.284	15.347.147.279	2.445.600.417
+ Phải thu	(20.558.736)	20.558.736	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(366.325.125)	11.308.774.055	11.014.628.837	(72.179.907)
Thuế xuất, nhập khẩu	(34.693.239)	897.553.549	868.327.884	(5.467.574)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.020.975.418	46.115.823.912	52.859.475.560	10.277.323.770
+ Phải nộp	17.359.475.560	43.932.373.216	48.359.475.560	12.932.373.216
+ Phải thu	(338.500.142)	2.183.450.696	4.500.000.000	(2.655.049.446)
Thuế thu nhập cá nhân	652.294.938	8.390.290.889	8.977.205.470	65.380.357
+ Phải nộp	655.591.416	8.390.290.889	8.977.205.470	68.676.835
+ Phải thu	(3.296.478)	-	-	(3.296.478)
Thuế đất	-	1.664.208.258	1.664.208.258	-
Thuế môn bài	-	31.437.054	31.437.054	-
	17.712.666.668	85.760.420.737	90.762.430.342	12.710.657.063

Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(763.373.720)			(2.735.993.405)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.476.040.388			15.446.650.468

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí khuyến mãi	23.841.532.939	8.730.586.324
Chi phí lương thưởng hoàn thành công việc	15.572.113.054	-
Chi phí hoạt động bán hàng	437.653.407	5.532.957.218
	39.851.299.400	14.263.543.542

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	203.462.450	78.726.806.000
Kinh phí công đoàn	190.483.130	281.040.370
Nhận ký quỹ, ký cược	69.000.000	69.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.862.741.312	1.895.062.834
	6.325.686.892	80.971.909.204



22. CÁC KHOẢN VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị VND
a. Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	-	73.831.019.055	73.831.019.055			-
Vay cán bộ công nhân viên (i)	17.367.466.582	19.255.102.746	31.593.098.268			5.029.471.060
Vay dài hạn đến hạn trả	2.727.202.083	17.272.797.917	4.000.000.000			16.000.000.000
	20.094.668.665	110.358.919.718	109.424.117.323			21.029.471.060
b. Vay dài hạn (ii)						
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	62.725.647.917	30.547.150.000	17.272.797.917			76.000.000.000

(i) Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên thể hiện khoản vay tín chấp từ tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty với thời hạn một năm, áp dụng mức lãi suất là 7,2%/năm.

(ii) Ngày 24 tháng 5 năm 2019, Công ty ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTD-QĐTPT với Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định để vay dài hạn với tổng hạn mức là 96.000.000.000 đồng nhằm tài trợ cho dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội. Khoản vay chịu lãi suất 7%/năm và được trả hàng quý kể từ Quý 4 năm 2021. Khoản vay có hình thức đảm bảo là toàn bộ tài sản trong tương lai của dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao - Giai đoạn 1: Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư. Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty đã được giải ngân toàn bộ hạn mức khoản vay này (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 65.452.850.000 VND).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	16.000.000.000	2.727.202.083
Trong năm thứ hai	16.000.000.000	10.908.808.333
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.000.000.000	32.726.425.000
Sau năm năm	12.000.000.000	19.090.414.584
	92.000.000.000	65.452.850.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	16.000.000.000	2.727.202.083
Số phải trả sau 12 tháng	76.000.000.000	62.725.647.917

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ.

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho người lao động của Công ty và thưởng cho Ban Điều hành Công ty.

	Quỹ		Quỹ thưởng		Tổng VND
	khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Ban điều hành VND	VND	
Số đầu năm	23.933.574.620	20.571.055.044	1.579.010.708		46.083.640.372
Tăng từ lợi nhuận	9.456.178.922	9.456.178.922	3.782.471.569		22.694.829.413
Tăng khác	63.340.000	-	-		63.340.000
Sử dụng quỹ	(7.517.941.000)	(1.106.201.368)	-		(8.624.142.368)
Số cuối năm	25.935.152.542	28.921.032.598	5.361.482.277		60.217.667.417

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Biến động của Quỹ phát triển và khoa học công nghệ trong năm như sau:

	Quỹ phát triển khoa học công nghệ		Tổng VND
	Quỹ phát triển khoa học công nghệ VND	Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	
Số đầu năm	29.997.880.243	8.188.034.662	38.185.914.905
Trích lập từ lợi nhuận trước thuế	15.000.000.000		15.000.000.000
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(4.094.166.701)	(4.094.166.701)
Sử dụng quỹ trong năm	(27.820.795.000)	27.820.795.000	-
Số cuối năm	17.177.085.243	31.914.662.961	49.091.748.204



25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND						
Số dư đầu năm trước	523.790.000.000	20.921.442.000	-	(878.000)	88.209.457.010	(1.035.345.110)	281.754.669.008	913.639.344.908
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	157.859.564.816	157.859.564.816
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	15.785.956.482	-	(15.785.956.482)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(15.785.956.482)	(15.785.956.482)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(3.157.191.296)	(3.157.191.296)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.951.918.558)	-	-	-	-	(1.951.918.558)
Khác	-	-	-	-	-	293.458.483	-	293.458.483
Số dư đầu năm nay	523.790.000.000	20.921.442.000	-	(1.952.796.558)	103.995.413.492	(741.886.627)	326.316.629.564	972.328.801.871
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	189.123.578.445	189.123.578.445
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	18.912.357.844	-	(18.912.357.844)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	-	(18.912.357.844)	(18.912.357.844)
Trích quỹ thưởng ban điều hành (**)	-	-	-	-	-	-	(3.782.471.569)	(3.782.471.569)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị (**)	-	-	-	-	-	-	(3.782.471.569)	(3.782.471.569)
Chia cổ tức 2020 bằng cổ phiếu (*)	52.334.440.000	-	-	-	-	-	(52.334.440.000)	-
Khác	-	-	-	-	-	(1.850.772.044)	(1.444.018.346)	(3.294.790.390)
Số dư cuối năm nay	576.124.440.000	20.921.442.000	-	(1.952.796.558)	122.907.771.336	(2.592.658.671)	416.272.090.837	1.131.680.288.944

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 426/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 17 tháng 4 năm 2021, bao gồm việc chia cổ tức bằng hình thức phát hành 5.233.444 cổ phần có mệnh giá tương ứng với số tiền 52.334.440.000 đồng. Số lượng cổ phần mới này được chính thức niêm yết bổ sung từ ngày 19 tháng 7 năm 2021.

(**) Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 cho các quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành, thù lao Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 426/NQ-ĐHĐCĐ2021 nêu trên. Số liệu cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2021 sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt.

Theo Nghị Quyết số 1320/NQ-HĐQT2021 ngày 20 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức của năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 20%/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	57.612.444	52.379.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ + Cổ phiếu phổ thông	40.085	40.085
- Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	57.572.359	52.338.915
	57.572.359	52.338.915

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi, vốn điều lệ của Công ty là 576.124.440.000 đồng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	7.683.450	13.34	76.834.500.000	6.984.955	13.34	69.849.550.000
Các cổ đông khác	49.888.909	86.59	498.889.090.000	45.353.960	86.59	453.539.600.000
Cổ phiếu quỹ	40.085	0.07	400.850.000	40.085	0.07	400.850.000
	57.612.444	100	576.124.440.000	52.379.000	100	523.790.000.000

26. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định liên quan tới hợp đồng "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định" số 09/2014/SKHCN-HĐ/DA KHCN ngày 22 tháng 10 năm 2014 giữa Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định và Công ty với tổng kinh phí của hợp đồng là 59.500.000.000 đồng.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	171.648,68	83.688
- Euro (EUR)	88,87	47,82

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận cần được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chủ yếu hoạt động ở một lĩnh vực là kinh doanh dược phẩm và vật tư y tế và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Doanh thu và Giá vốn của hoạt động kinh doanh đã được trình bày ở các Thuyết minh số 29 và 30. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong năm là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 28 – "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.



29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.634.683.825.343	1.329.775.162.011
Doanh thu bán dược phẩm	1.253.200.784.466	1.220.628.124.662
Doanh thu bán vật tư y tế	366.154.984.891	92.756.385.162
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	14.162.683.481	14.324.869.042
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.165.372.505	2.065.783.145
Các khoản giảm trừ doanh thu	76.179.492.060	72.822.790.468
Chiết khấu thương mại	70.527.493.691	69.166.328.070
Giảm giá hàng bán	15.744.110	50.146.582
Hàng bán bị trả lại	5.636.254.259	3.606.315.816
	1.558.504.333.283	1.256.952.371.543

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán dược phẩm	597.872.202.465	669.321.427.367
Giá vốn bán vật tư y tế	324.750.843.072	83.476.642.030
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	12.396.871.936	11.537.888.561
Khác	918.795.678	1.477.135.660
	935.938.713.151	765.813.093.618

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	487.432.039.857	491.227.528.898
Chi phí nhân công	245.331.190.119	188.376.356.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.688.997.348	31.808.990.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.484.107.233	98.994.711.971
Dự phòng phải thu khó đòi	22.229.181.874	14.288.446.894
Chi phí khác bằng tiền	74.019.332.142	66.566.996.351
	989.184.848.573	891.263.031.579

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	5.137.479.973	6.164.635.833
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	891.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.182.703.880	696.146.355
	6.320.183.853	7.751.782.188

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.324.527.353	6.588.854.737
Chiết khấu thanh toán	6.872.897.357	5.764.448.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá	449.592.336	1.972.227.361
	8.647.017.046	14.325.530.898

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	160.181.250.077	117.686.018.668
Chi phí khấu hao	4.702.207.396	5.756.726.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.233.184.450	46.680.883.197
Các khoản chi phí bán hàng khác	44.272.413.252	50.731.499.725
	278.389.055.175	220.855.128.023
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	41.075.243.616	29.811.793.072
Chi phí khấu hao	15.150.436.575	9.870.319.490
Dự phòng phải thu khó đòi	22.229.181.874	21.735.735.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.463.196.073	12.794.781.096
Chi phí khác	28.129.986.518	14.288.446.894
	127.048.044.656	88.501.075.564

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	232.447.899.890	193.191.315.397
Điều chỉnh liên quan đến hợp nhất	(333,265,666)	(75.693.989)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	14,290,778,000	(1.495.466.000)
Trừ: Lợi nhuận từ công ty liên kết	(16,083,128,633)	(15.238.404.243)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	256,835,969	349.695.130
Khác	-	(148.387.380)
Thu nhập tính thuế	230.579.119.560	176.583.058.915
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	46.115.823.912	35.316.611.783

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	15.138.798
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.791.502.467	-
Tổng thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.791.502.467	(15.138.798)

M.S.D.N.
T.P.U.

CHI ĐÓNG DÊI / IẾ
PH

100%
CỘT
CỔ
C-TR
TẾ E
(BI
Y NH

017
HÀ
TY T
IT
NA
HỒ



36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	189.123.578.445	157.859.564.816
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	22.694.829.413	15.785.956.482
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	3.782.471.569	3.157.191.296
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	162.646.277.463	138.916.417.038
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	57.572.359	57.612.249
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.825	2.411

(*) Các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu. Theo đó, số liệu điều chỉnh giảm của năm 2020 được xác định theo số liệu được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 426/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 17 tháng 4 năm 2021. Số liệu của năm 2021 được xác định bằng số tạm trích từ lợi nhuận của năm 2021 như đã nêu tại Thuyết minh số 25.

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước

1/ Điều chỉnh lại lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 426/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 17 tháng 4 năm 2021, chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	142.073.608.334	(3.157.191.296)	138.916.417.038
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.712	(60)	2.652

2/ Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân năm trước

Như đã nêu tại Thuyết minh số 25, trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng hình thức phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ dẫn đến việc hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành của năm trước. Chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phiếu bình quân Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số đã báo cáo đầu năm (đã trình bày lại như trên)	52.378.805	2.652
Ảnh hưởng của giao dịch trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	5.233.444	(241)
Số đã điều chỉnh lại	57.612.249	2.411

Đồng thời, như trình bày tại Thuyết minh số 25, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức của năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 20%/cổ phiếu. Nếu việc phát hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt và thực hiện năm 2022 thì lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 sẽ thay đổi.

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có cam kết hợp đồng cho việc xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao với tổng giá trị hợp đồng là 229.727.156.602 đồng, trong đó, số tiền đã chi cho dự án và hạch toán vào khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình lần lượt là 154.862.984.244 đồng và 27.820.795.000 đồng.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Cổ đông lớn Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định		
Vay dài hạn trong năm	30.547.150.000	65.452.850.000
Trả nợ vay trong năm	4.000.000.000	-
Lãi vay đã trả trong năm	5.836.957.000	4.594.252.000
Cổ tức phát sinh trong năm	6.984.955.000	10.477.432.500

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả		
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	-	10.477.432.500
Vay dài hạn		
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	92.000.000.000	65.452.850.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được nhận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Văn Quá	431.013.000	200.000.000
Ông Tạ Nam Bình	-	150.000.000
Ông Nguyễn Thanh Giang	605.000.000	981.677.567
Ông Nguyễn Tiến Hải	-	120.000.000
Ông Hoàng Văn Thắng	-	120.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Hương	822.500.000	996.711.317
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	736.553.649	1.024.689.157
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	665.000.000	900.338.950
Ông Nguyễn Văn Thịnh	-	120.000.000
	3.260.066.649	4.613.416.991



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 977.903.562 đồng là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nhưng đã bao gồm 1.108.284.760 đồng là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn đã trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 52.334.440.000 đồng, là khoản cổ tức được chi trả bằng hình thức phát hành cổ phần như trình bày tại Thuyết minh số 25.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm chưa bao gồm 10.190.520.951 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa được thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.017.799.238 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay không bao gồm 455.102.746 đồng là số tiền lãi vay nhập gốc phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu từ đi vay.

Số tiền đi vay thực thu/số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Trong năm, Công ty có phát sinh một số khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại với thời hạn dưới 3 tháng với tổng số tiền 72.261.963.428 đồng và đã thực trả toàn bộ gốc vay trong năm. Do vậy, dòng tiền vay trong hoạt động tài chính được trình bày trên cơ sở thuần.

Phạm Thị Thanh May
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Phạm Thị Thanh Hương

